CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01 /GM-HĐQT	*Bến Tre, ngày 11 tháng 5 năm 2022*

THƯ MỜI
Tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre trân trọng kính mời Quý vị cổ đông về tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

1. Thời gian: Đại hội khai mạc vào lúc 07 giờ 30, ngày 04 tháng 6 năm 2022 (sáng thứ bảy)

2. Địa điểm: Hội trường Văn phòng Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre, số 103, đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Tài liệu Đại hội:

- Chương trình của Đại hội, Mẫu giấy ủy quyền tham dự Đại hội và tài liệu trình bày tại Đại hội được đăng tải trên Website www.capnuocbentre.vn

4. Thủ tục tham dự Đại hội:

Quý cổ đông đến tham dự đại hội hoặc người được ủy quyền đến tham dự vui lòng mang theo CMND/hộ chiếu, giấy ủy quyền bản chính (trường hợp đã gửi bản fax hoặc e-mail) để đăng ký tham dự Đại hội.

Để công tác chuẩn bị đại hội được chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền dự Đại Hội và mọi ý kiến đóng góp cho đại hội, Quý cổ đông vui lòng gửi văn bản có ghi rõ nội dung, họ và tên cổ đông, số lượng, loại cổ phần nắm giữ và gửi cho Công ty trước ***16g00 ngày 02/6/2022*** theo đường Bưu điện, fax, hoặc e-mail để Ban tổ chức tập hợp. Địa chỉ tiếp nhận và liên hệ:

- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

- Địa chỉ: Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; Điện thoại (0275) 3 825727 ; Fax (0275) 3 827781.

- Email: hongthamctn83@gmail.com ; hoặc liên hệ Bà Lê Thị Hồng Thắm – Thư ký HĐQT, số điện thoại 0911261199).

Trân trọng kính mời./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Diễm Phượng

Digitally signed by Nguyễn Thị Diễm Phượng
DN: C=VN, S=BẾN TRE, L=TP Bến Tre, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE, T=Chủ tịch HĐQT, CN=Nguyễn Thị Diễm Phượng, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:083167002598
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2022-05-11 17:19:38

M.S.D.N: 1300107726 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
T.P BẾN TRE – T. BẾN TRE

Nguyễn Thị Diễm Phượng

DỰ THẢO

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN BEWACO NĂM 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN (HOẶC ỦY QUYỀN)
Tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

Tên cổ đông: .....

ĐKKD/CMND số:..... ngày cấp: ..... nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại: .....Email: .....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần của công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Căn cứ thư mời họp của Công ty, tôi / công ty chúng tôi xin xác nhận như sau (đồng ý hoặc ủy quyền)

☐ Đồng ý tham dự Đại hội

☐ Ủy quyền tham dự cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Ông/Bà .....

ĐKKD/CMND số:..... ngày cấp: ..... nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại: .....Email: .....

Thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre để biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần đại diện.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre vào ngày 04/6/2022.

Trân trọng./.

Bến Tre, ngày 4 tháng 6 năm 2022
NGƯỜI XÁC NHẬN / ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Đại Hội cổ đông thường niên năm 2022
(Ngày 04 tháng 6 năm 2022)

I. Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông.

1. Đón tiếp cổ đông và Đại biểu;

2. Cổ đông đăng ký, nhận tài liệu và thẻ biểu quyết.

II. Khai mạc Đại hội.

1. Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự;

2. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội;

3. Chủ tọa thông qua đề cử các thành viên tham gia: Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu;

4. Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu;

5. Thông qua Quy chế làm việc và chương trình Đại hội.

III. Nội dung Đại hội.

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2021;

2. Báo cáo của Tổng Giám đốc Tình hình, kết quả hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch và giải pháp thực hiện năm 2022;

3. Báo của Ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;

4.Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021; Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022;

6. Trình thông qua Tiền lương, thưởng và Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký năm 2021 và kế hoạch năm 2022;

7. Trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

IV. Thảo luận, giải đáp và biểu quyết thông qua.

1. Đại hội thảo luận về nội dung các báo cáo, tờ trình;

2. Chủ tọa trả lời các câu hỏi mà cổ đông quan tâm;

3. Đại hội biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình (tiến hành bỏ phiếu biểu quyết).

V. Tổng kết Đại hội.

1. Thông qua Biên bản Đại hội;

2. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

3. Tuyên bố bế mạc Đại hội.

BAN TỔ CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02 /QC-ĐHCĐ	*Bến Tre, ngày 04 tháng 6 năm 2022*

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Đại hội cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre hiện hành.

Nhằm đảm bảo Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre năm 2022 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH.

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI.

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

III. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ / TỪ VIẾT TẮT.

- Công ty : Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

IV. NỘI DUNG QUY CHẾ.

1. Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản a điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản b Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội.

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày **22/4/2022** đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh, y tế (nếu có), giấy tờ tùy thân .. theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần Đại biểu có thể đàm thoại

bên ngoài hội trường làm việc.

- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc mời đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

5. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch HĐQT sẽ là chủ tọa điều hành Đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tọa:

+ Điều hành công việc của Đại hội theo chương trình, quy chế làm việc của Đại hội.

+ Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội

+ Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.

+ Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết.

+ Chủ tọa cử hai người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

+ Hướng dẫn các đại biểu thảo luận.

+ Trình các nội dung và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

+ Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

+ Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

6. Thư ký Đại hội

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.

+ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu.

+ Lập biên bản họp đại hội đồng cổ đông.

+ Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần

thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

7. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu gồm những đại biểu chính thức tham dự Đại hội và không có tên trong danh sách ứng cử viên (khi bầu cử) do Chủ tọa giới thiệu (không quá 06 người) để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết.

- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

+ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

+ Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.

8. Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

9. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội

a) Các quy định chung

Mỗi đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát trực tiếp:

- Một (01) "**Phiếu biểu quyết" màu vàng** có ghi tên cổ đông / người đại diện; số cổ phần có quyền biểu quyết; mã số biểu quyết; có đóng dấu treo Công ty trên góc trái. Phiếu này dùng để thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu, Biên bản và Nghị Quyết Đại hội.

- Một (01) **"Phiếu biểu quyết" màu xanh** có ghi mã biểu quyết; có đóng dấu treo Công ty trên góc trái. Phiếu này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội (cách ghi theo hướng dẫn bên dưới phiếu).

b) Cách thức biểu quyết

- Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

+ Tán thành với nội dung vừa được đề trình;

+ Không tán thành với nội dung vừa được đề trình;

+ Không có ý kiến với nội dung vừa được đề trình.

- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, đại biểu tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

+ Đại biểu biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết màu vàng: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết, đại biểu giơ cao Phiếu biểu quyết, mặt trước Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu ghi nhận số phiếu biểu quyết của từng đại biểu đồng ý, không đồng ý. Phiếu này dùng để thông qua các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội trừ các Báo cáo và Tờ trình.

+ Đại biểu biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết màu xanh: Đối với từng nội dung, đại biểu lựa chọn 01 trong 03 phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" bằng cách đánh dấu "X" vào ô tương ứng được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi phiếu biểu quyết về thùng phiếu đã được niêm phong tại Đại hội. Phiếu này dùng để thông qua các Báo cáo và Tờ trình Đại hội.

c) Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

- *Phiếu biểu quyết hợp lệ:* là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- *Phiếu biểu quyết không hợp lệ:* là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có con dấu của công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

d) Thể lệ biểu quyết

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Cổ đông / hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết màu vàng và một (01) phiếu biểu quyết màu xanh.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông **(ngày 22/4/2022)** tổng số cổ phần của Công ty là: 29.400.000 cổ phần tương đương với 29.400.000 quyền biểu quyết.

đ) Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm đếm, thu, ghi nhận việc thực hiện biểu quyết.

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung; chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

e) Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng vổ đông được thông qua.

- Tuân thủ điều 21 Điều lệ Công ty và Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

10. Biên bản và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- Biên bản và nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre và sẽ được đăng tải trên Website của Công ty.

V. THỰC HIỆN.

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, đại biểu tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền:

+ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

+ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản Luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre sau khi được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Các cổ đông, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre chịu trách nhiệm thi hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Diễm Phượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04 /BC- HĐQT	*Bến Tre, ngày 04 tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc quản trị Công ty và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 26/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc quản trị, điều hành và hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát.

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

- Tên viết tắt: BEWACO

- Mã cổ phiếu: NBT

- Sàn giao dịch Upcom

- Địa chỉ: Số 103, Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Số điện thoại: (0275) 3825727

- Số Fax: (0275) 3827780

- Website: www.capnuocbentre.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1300107725

- Vốn điều lệ: 294.000.000.000 đồng; số lượng cổ phần: 29.400.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần

- Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31/12/2021:

+ Vốn nhà nước: 188.160.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 64%

+ Vốn cổ đông tham gia: 105.840.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 36%.

2. Ngành nghề kinh doanh.

Sản xuất và phân phối nước sạch; Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai; Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng công trình công nghiệp, thi công xây lắp, cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;

Gia công cơ khí và các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng; Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước; Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh; Thi công, xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước; Thoát nước bẩn, nạo vét và thông tắc cống rãnh Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, công trình chuyên ngành cấp thoát nước Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế - dự toán, giám sát công trình ngành cấp thoát nước.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021.

1. Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số cổ phần	Tỷ lệ % có quyền biểu quyết
01	Nguyễn Thị Diễm Phượng	Chủ tịch HĐQT	- Cá nhân - Đại diện UBND tỉnh Bến Tre	37.590 14.994.000	0,128 51,00
02	Trần Hùng	TV HĐQT-Tổng GĐ	- Cá nhân - Đại diện UBND tỉnh Bến Tre	7.770 3.822.000	0,026 13,00
03	Trần Thanh Bình	TV HĐQT-Phó TGĐ	- Cá nhân	6.300	0,021
04	Phan Đình Tân	TV HĐQT	- Đại diện Cty TNHH Hoàn Cầu	4.410.000	15,00
05	Nguyễn Thị Kim Phượng	TVHĐQT	- Đại diện Cty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	5.109.510	17,38

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

2.1 Các cuộc họp của HĐQT.

Số TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng	06	100%	
02	Ông Trần Hùng	06	100%	

Số TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
03	Ông Trần Thanh Bình	06	100%	
04	Ông Phan Đình Tân	06	100%	
05	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	06	100%	

Trong năm 2021, HĐQT đã có 06 phiên họp (gồm họp trực tiếp và họp thông qua hình thức góp ý kiến, trao đổi, thống nhất qua email), với 09 Nghị quyết và nhiều Quyết định được ban hành đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, các phiên họp có sự tham gia của Ban Kiểm soát, Nội dung các cuộc họp được chuẩn bị đầy đủ, chu đáo và liên quan thiết thực đến các mặt hoạt động SXKD của Công ty. HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Công ty theo đúng với định hướng kế hoạch chiến lược đề ra thông qua các nội dung kết luận chỉ đạo, các cuộc họp, chương trình làm việc.

2.2. Các nghị quyết / quyết định của HĐQT.

Trong năm, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định:

Số TT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	Số 07/NQ-HĐQT	13/3/2021	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021	100%
02	Số 08/NQ-HĐQT	16/4/2021	Về việc hủy đăng ký cuối cùng và thay đổi ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021	100%
03	Số 09/NQ-HĐQT	20/4/2021	Về việc gia hạn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
04	Số 10/NQ-HĐQT	17/5/2021	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021	100%
05	Số 12/NQ-HĐQT	29/6/2021	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	100%
06	Số 13/NQ-HĐQT	29/6/2021	Về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức đợt cuối năm 2020	100%
07	Số 14/NQ-HĐQT	29/6/2021	Về việc thông qua Kế hoạch Lao động- Tiền lương của Công ty năm 2021	100%
08	Số 15/NQ-HĐQT	01/7/2021	Về việc thông qua kế hoạch mua sắm tài sản vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021	100%
09	Số 16/NQ-HĐQT	13/12/2021	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021	100%

Số TT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	Các quyết định phê duyệt, điều hành hoạt động SXKD của doanh nghiệp trong năm thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.			

2.3. Về hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT.

- Từng thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ của Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT Công ty và quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả chung của HĐQT; thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Đã chỉ đạo sửa đổi, bổ sung hoàn thiện và ban hành: Sửa đổi Điều lệ Công ty; Quy chế quản trị Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty; Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát đã được ĐHCĐ năm 2021 thông qua;

- Nghiên cứu, thảo luận và cho ý kiến chỉ đạo kịp thời các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc điều hành;

- Trong công tác tài chính, Công ty luôn thực hiện đúng quy định của pháp luật: đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Hàng quý đã đánh giá kết quả hoạt động SXKD thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập soát xét;

- Thực hiện đúng các quy định về đảm bảo an ninh, an toàn nguồn nước mặt khai thác; đảm bảo tốt mọi quy định về cấp nước, mở thêm nhiều kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi

- Đã chỉ đạo thực hiện công bố thông tin áp dụng đối với Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định.

2.4. Công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc đã tổ chức, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, quyết định, các văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc luôn thực hiện đúng theo chương trình, kế hoạch đã được thông qua.

- Trong năm 2021 tình hình dịch bệnh covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra trên cơ sở khắc phục mọi khó khăn, phát huy những thuận lợi có được, linh hoạt trong tổ chức điều hành, có giải pháp phù hợp với tình hình thực tế từng thời điểm để hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Hàng tháng, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động SXKD cũng như đề ra phương hướng hoạt động của tháng tiếp theo để Chủ tịch HĐQT xem xét, có ý kiến. Qua đó HĐQT luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài

chính của Công ty, có chủ động trong việc chỉ đạo điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

2.5. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị đã giám sát đối với Tổng Giám đốc Công ty thông qua việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2021, Tổng Giám đốc đã triển khai các biện pháp hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, mặc dù trong năm qua Công ty gặp không ít khó khăn như hạn mặn, dịch bệnh phải thực hiện biện pháp giãn cách xã hội làm chậm tiến độ các công trình xây dựng cơ bản.

- Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

+ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

+ Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành về quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, mua sắm và quản trị doanh nghiệp.

+ Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các quy định pháp luật hiện hành.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG.

1. Kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2021 của Đại Hội đồng cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty nỗ lực hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đến 31/12/2021, kết quả một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

- Sản lượng nước ghi thu: 19.996.356 m3; đạt 100,55% so với Nghị quyết;
- Tổng doanh thu : 210.562 triệu đồng; đạt 98,86% so với Nghị quyết;
- Lợi nhuận trước thuế : 56.766 triệu; đạt 130,50% so Nghị quyết;
- Lợi nhuận sau thuế : 46.836 triệu đồng; đạt 129,38% so với Nghị quyết;
- Nộp ngân sách : 17.506 triệu đồng; đạt 100%
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 61.536 triệu đồng.

Trong đó:

+ LN chưa phân phối năm 2020 chuyển sang : 14.700 triệu đồng

+ LN chưa phân phối năm 2021 : 46.836 triệu đồng

- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021: 9%, đạt 100% so với Nghị quyết (Đã tạm ứng cổ tức 5%, còn lại 4% sẽ chi tiếp sau Đại hội cổ đông).

- Tiền lương bình quân của người lao động: 8,81 triệu đồng/người/tháng

1.2. Quản lý vốn và tài sản.

Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát, Kiểm toán độc lập kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý doanh thu, chi phí, tài sản, việc thực hiện chế độ kế toán tại Công ty chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021: 518.502.160.485 đồng.
- Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2021: 518.502.160.485 đồng.

Trong đó vốn chủ sở hữu: 405.323.265.065 đồng.

- Vốn Điều lệ Công ty thời điểm 31/12/2021: 294.000.000.000 đồng.

1.3. Chi trả cổ tức năm 2021.

Đã thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

2. Đầu tư xây dựng cơ bản.

- Đã tập trung thực hiện các công trình trọng điểm theo chủ trương ưu tiên cho công tác phòng chống hạn mặn. Hoàn thành dự án Hệ thống lọc mặn RO công suất 3.000 m^3/ngày,đêm; tuyến ống chuyển tải nước ngọt thô từ sông Bình Chánh về NMN Lương Quới (3km); các công trình thi công mới, phân vùng, tách mạng, cải tạo hệ thống mạng lưới cấp nước thành phố, các huyện, các địa bàn phục vụ… đầu tư cải tạo, sửa chữa trạm bơm, nhà máy nước theo kế hoạch. Tổng giá trị đầu tư đã thực hiện trong năm 2021 đạt 72.852 triệu đồng.

3. Về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty chuyên trách và người quản lý Công ty không chuyên trách năm 2021.

Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách được trả tiền lương, thành viên không chuyên trách được trả thù lao đầy đủ theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021; cụ thể:

3.1. Tiền lương, tiền thưởng của Người quản lý công ty chuyên trách, thù lao của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách.

Số TT	Chức vụ	Số lượng (người/ năm)	Tiền lương, thưởng, thù lao		Tiền thưởng (đồng/ năm)	Tổng cộng (đồng/năm)
			Tiền lương/ tháng	Thù lao (đồng/tháng)		
1	Người quản lý Công ty chuyên trách	06	265.601.286	-	398.401.929	3.585.617.357
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	-	10.000.000	-	240.000.000
3	Thành viên BKS không chuyên trách	02	-	9.000.000	-	216.000.000

* Người quản lý Công ty chuyên trách gồm: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Trưởng Ban kiểm soát,01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 kế toán trưởng.

3.2. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng Tổng Giám đốc năm 2021.

Số TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị (đồng/năm)	Ghi chú
1	Tiền lương Tổng Giám đốc	Đồng	574.560.000	
2	Tiền thưởng Tổng Giám đốc	"	71.820.000	
3	Thù lao nhiệm vụ là thành viên HĐQT	"	Tổng Giám đốc không có thù lao TV HĐQT.	

4. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2021.

Theo Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, đơn vị kiểm toán đã thực hiện tốt công tác soát xét BCTC 6 tháng và kiểm toán BCTC năm đúng thời gian, đúng thời hạn theo quy định.

III. Đánh giá chung về kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2021.

- Trong năm qua, mặc dù đối mặt với tình hình xâm nhập mặn và dịch bệnh, nhưng với nỗ lực của các cấp quản lý cùng toàn thể CNVC-LĐ Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đề ra. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 129,3% so với kế hoạch, điều này cho thấy được hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty; Công ty vẫn duy trì được trạng thái tích cực và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Bên cạnh đó, các chi phí cố định như khấu hao, quản lý, bán hàng,.. chỉ tăng ít trong khi đó lãi vay giảm hơn so với năm trước; các chi phí theo sản lượng như PAC cũng giảm nhờ việc áp dụng quản lý kỹ thuật, công nghệ mới.

- Nhìn chung, Công ty đã tập trung khắc phục những khó khăn, hạn chế để đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt đến các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bến Tre, đảm bảo cấp nước đạt tiêu chuẩn cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Các khoản doanh thu và chi phí trong quá trình hoạt động đều rõ ràng, minh bạch. Việc chăm lo cho người lao động cũng được Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Tre thực hiện tốt, góp phần giữ vững tiến độ và hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra trong năm 2021.

II. ĐỊNH HƯỚNG TRỌNG TÂM HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022.

Năm 2022 nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ chuyển biến tích cực và phục hồi tốt. Tuy nhiên doanh nghiệp sẽ đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩ, các chi phí đầu vào tiếp tục tăng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu mà trực tiếp là tình trạng xâm nhập mặn, giá nhiên liệu tăng làm tăng chi phí vận chuyển, tăng giá nguyên vật liệu và đặc biệt là dịch bệnh covid -19 vẫn còn tiềm ẩn khó lường… trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2022 như sau:

1. Tập trung chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tình hình tài chính của Công ty an toàn, hiệu quả, phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản. Thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí đã đề ra.

3. Nghiên cứu, chủ động đề xuất với UBND tỉnh và các ngành chức năng trong việc phối hợp vận hành các công trình phòng chống hạn mặn; mạnh dạn đầu tư hoặc chọn giải pháp về nguồn nước thô dùng cho sản xuất đảm bảo chất lượng, an toàn về lâu dài; có thể chọn giải pháp công nghệ tối ưu nhất để đảm bảo cho chất lượng nước cấp cho các doanh nghiệp sản xuất, cho nhu cầu sử dụng nước ngọt tối thiểu của tất cả khách hàng nếu bị nhiễm mặn mà các giải pháp công trình chưa phát huy hiệu quả.

4. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt nhất chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ (ống sắt, tráng kẽm) làm ảnh hưởng đến chấp lượng nước cấp, dễ xì bể làm tăng tỷ lệ nước thất thoát; Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phấn đấu tỷ lệ thất thoát nước năm 2022 bằng hoặc thấp hơn kế hoạch đề ra;

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, lãnh đạo triển khai thực hiện tốt đề án, kế hoạch đã được ban hành.

6. Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, đảm bảo yêu cầu phân quyền; phân cấp cho các đơn vị trong Công ty để các đơn vị chủ động trong điều hành sản xuất; thực hiện điều động, luân chuyển viên chức quản lý cấp trưởng, phó các đơn vị trực thuộc để tạo sự đổi mới nhằm nâng cao chất lượng trong công tác quản trị.

7. Trình xin ý kiến Chủ sở hữu về cử người làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và người giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty (do Chủ tịch đến tuổi nghỉ hưu trí theo luật định). Lãnh đạo việc tổ chức Đại hội cổ đông bất thường để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và chức danh có liên quan khác kế tục nhiệm kỳ 2020 – 2025 của HĐQT theo đúng quy định.

8. Thực hiện chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty, các Quy chế đã ban hành và các quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT về kết quả quản trị điều hành năm 2021 và định hướng trọng tâm kế hoạch hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre. Xin báo cáo trước Đại hội.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên
-HĐQT; BKS;TGĐ;
- Các cổ đông Công ty;
-Website Công ty
Lưu: Thư ký

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Diễm Phượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05 /BC-ĐHCĐ	*Bến Tre, ngày tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả hoạt động SXKD năm 2021, Kế hoạch và giải pháp thực hiện năm 2022

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty về phương hướng, nhiệm vụ năm 2021. Ban lãnh đạo điều hành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (SXKD) và các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, tình hình hạn mặn đã tác động ảnh hưởng ngay từ đầu năm và kéo dài (nhất là ở địa bàn huyện Giồng Trôm). Với tinh thần quyết tâm và nỗ lực, khắc phục khó khăn cao nhất để đạt được *"mục tiêu kép"* theo chỉ đạo của các cấp, trong năm 2021 hoạt động SXKD của Công ty đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

A- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021.

I. Kết quả hoạt động SXKD

Ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lãnh đạo tổ chức triển khai các mặt công tác trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của năm 2020; những thuận lợi, khó khăn, thách thức đặt ra cho năm 2021; những chủ trương, biện pháp để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chủ yếu; về đầu tư phát triển cấp nước và chủ động ứng phó với tình hình xâm nhập mặn vào mùa khô năm 2020 – 2021 theo dự báo của ngành chức năng.

Hoạt động SXKD của Công trong năm 2021 tiếp tục ổn định, các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, trong điều kiện chi phí xử lý khắc phục độ mặn tăng cao, giá nước vẫn giữ nguyên, song chỉ tiêu về lợi nhuận vẫn đạt và vượt so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua. Kết qủa cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu đạt được

- Sản lượng Nước ghi thu: 19.996.356 m^3/19.886.000 m^3; đạt 100,55% so với kế hoạch năm, so với cùng kỳ tăng 2,56%;

- Tổng doanh thu: 210.562 triệu đồng / 213.000 triệu đồng; đạt 98,86% so với kế hoạch năm; so với cùng kỳ tăng 6,76%;

- Lợi nhuận trước thuế: 56.766 triệu đồng / 43.500 triệu đồng; đạt 130,50% so với kế hoạch năm, so với cùng kỳ giảm 11,78%;

- Lợi nhuận sau thuế: 46.836 triệu đồng / 36.200 triệu đồng; đạt 129,38% so với kế hoạch năm; so với cùng kỳ giảm 19,96 %;

- Nộp ngân sách: 17.506 triệu đồng; đạt 100% kế hoạch;

- Tỷ lệ nước thất thoát: 23,3 % / 20%; tăng 3,3 % so với kế hoạch năm; so với cùng kỳ tăng 1,24 %;

- Phát triển khách hàng mới: 2.919/4.000 khách hàng; đạt 72,98% so với kế hoạch năm; so với cùng kỳ giảm 28,42%;

- Thay TLK: 19.149 cái/20.000 cái; đạt 95,79% so với kế hoạch năm, so với cùng kỳ tăng 17,91%.

- Tỷ lệ chia cổ tức 9% / VĐL.

(xem chi tiết số liệu ở bảng số 1 kèm theo)

2. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư

- Trong công tác XDCB, đã tập trung khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình còn dỡ dang trong năm 2019, năm 2020 chuyển sang, triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2021. Tiếp tục thực hiện theo kế hoạch cấp nước an toàn; thực hiện đề án xây dựng hạ tầng cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt giai đoạn 2016 – 2020; đề án quy hoạch cấp nước vùng tỉnh đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt nhằm đảm bảo nguồn cung cấp nước trong vùng phục vụ của Công ty.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực thành phố Bến Tre và các vùng lân cận; huyện Giồng Trôm; huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc và huyện Chợ Lách. Triển khai cấp nước đến các xã thuộc huyện đã thỏa thuận vùng phục vụ nhằm góp phần cùng các xã này cung cấp nước sạch và đạt tiêu chí về tỷ lệ cấp nước sạch khi phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phối hợp với các địa phương có phương án di dời ống cấp nước kịp thời để đảm bảo tiến độ mở rộng lộ, hẻm theo kế hoạch, đề án xây dựng giao thông nông thôn của các địa phương thuộc vùng phục vụ của Công ty.

- Tập trung triển khai thực hiện các bước của dự án tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định đến Khu công nghiệp Giao Long để dẫn nước sạch từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long nhằm đáp ứng nhu cầu tăng thêm của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Giao Long và Cụm khu công nghiệp Long Phước.

- Đầu tư, cải tạo nâng cấp các công trình xử lý nước tại các nhà máy, đưa vào sử dụng Hệ thống lọc mặn RO công suất 3.000 m^3/ngày,đêm; thực hiện phân vùng tách mạng, cải tạo thay thế các tuyến ống cũ; đầu tư trang thiết bị lắp đặt thêm các logger, thay thế một số đồng hồ thông minh... Tuy nhiên năm nay một phần do ảnh hưởng của hạn mặn, một phần do công tác cải tạo, nâng cấp lộ giao thông ở các địa bàn có mạng đường ống của Công ty đi qua phải di dời, bị sự cố kỹ thuật nhiều nên tỷ lệ thất thoát nước tăng cao hơn so với kế hoạch là 3,3%.

Tổng giá trị đầu tư XDCB thực hiện năm 2021 là 72.852 triệu đồng.

3. Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của Nhà nước

Vốn điều lệ của Công ty là 294.000 triệu đồng, đến cuối năm 2021 vốn điều lệ và cơ cấu nguồn vốn không thay đổi.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2021: Lợi nhuận sau thuế đạt 46.836 triệu đồng; Phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

- Chia cổ tức: (9%/VĐL) = 26.460 triệu đồng.

Trong đó:

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2020 để lại (5%) = 14.700 triệu đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (4%) = 11.760 triệu đồng.

- Quỹ thưởng VCQL chuyên trách: 398,4 triệu đồng.

- Quỹ đầu tư phát triển: 13.072 triệu đồng.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLĐ: 6.906 triệu đồng.

Trong đó:

+ Quỹ khen thưởng (60%): 4.143,6 triệu đồng.

+ Quỹ phúc lợi (40%): 2.762,4 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế chuyển sang năm sau: 14.700 triệu đồng.

4. Thực hiện công tác chuyên môn và quản lý

- Ngay những ngày đầu của năm 2021 hạn mặn lại tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận ở các nhà máy, địa bàn thành phố Bến Tre, huyện Châu Thành nguồn nước mặt bên ngoài sông độ mặn đã vượt mức, phải sử dụng giải pháp điều tiết nguồn nước ngọt thông qua hệ thống cống đập ngăn mặn. Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh là trong năm 2021 Công ty không được cấp nước mặn cho dân. Vì vậy Ban Lãnh đạo Công ty đã tổ chức, điều hành công tác ứng phó hạn mặn, điều tiết nguồn nước ngọt cung cấp cho các nhà máy nước, đảm bảo đủ lượng nước cấp ra mạng và có độ mặn đạt tiêu chuẩn quy định.

- Do độ mặn nước nguồn tại nhà máy nước Lương Quới (Giồng Trôm) tăng cao nên Công ty phải thực hiện phương án mua nước ngọt thô vận chuyển bằng sà lan cung cấp cho nhà máy nước Lương Quới để xử lý, đảm bảo nguồn nước cấp ra mạng cho địa bàn phục vụ ở Giồng Trôm đạt tiêu chuẩn quy định.

- Tập trung nhân lực, tài chính cho công tác phòng chống hạn mặn theo kế hoạch của Công ty và theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thi công các đập tạm ngăn mặn, thi công tuyến ống HDPE D250 (khoảng 3 km) và lắp đặt các máy bơm trên sà lan để phục vụ công tác bơm nước ngọt dẫn nước ngọt thô từ sà lan về nhà máy nước Lương Quới, lắp đặt trạm bơm dã chiến tại cầu Thành Triệu, Chi nhánh Phú Tân, lắp thuyền bơm tại đập Thành Triệu... cử nhân lực thường trực vận hành các trạm bơm nước, các cống đập và các công trình phục vụ chống mặn khác với yêu cầu đảm bảo lấy được nguồn nước tối ưu nhất.

- Xây dựng giá nước có các chi phí khắc phục hạn mặn theo từng phương án xử lý, trình UBND tỉnh, đã được UBND tỉnh phê duyệt, đang chuẩn bị triển khai áp dụng thì có chỉ đạo không thực hiện. Sau thời gian cung cấp nước ngọt bằng sà lan cho khu vực Giồng Trôm (từ tháng 01 đến 31/5/2021), khi độ mặn nước nguồn giảm, Công ty

đã ngừng mua nước ngọt thô vận chuyển bằng sà lan và sử dụng nguồn nước tại Lương Quới để xử lý cung cấp cho người dân. Trong tháng 6/2021, nước cấp ra mạng có độ mặn trên 0,45‰ nên đã thực hiện khấu trừ 10% tiền sử dụng nước cho khách hàng thuộc địa bàn phục vụ huyện Giồng Trôm. Ngoài ra thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh nhằm giảm bớt khó khăn cho nhân dân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Công ty cũng đã thực hiện giảm 10% tiền sử dụng nước cho tất cả khách hàng trong 02 tháng (kỳ 8 và kỳ 9) với tổng số tiền là 3,39 tỷ đồng. Ngoài ra khối lượng nước sử dụng cho các bệnh viện dã chiến, các khu cách ly điều trị covid trên địa bàn phục vụ đều được cung cấp miễn phí không thu tiền.

- Chấp hành thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo an toàn hoạt động cấp nước, công tác ghi, thu tiền nước và các hoạt động khác của Công ty trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội. Nhờ chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh đã góp phần giúp đảng viên CNVC-LĐ an tâm công tác, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch không dùng tiền mặt trong thanh toán tiền nước tiến tới không thu tiền nước tại nhà khách hàng. Vận động khách hàng thực hiện thanh toán tiền nước qua ngân hàng, các ứng dụng thu hộ trong thời gian giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, hoàn chỉnh các văn bản, báo cáo sau đại hội. Đã ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Điều lệ Công ty (sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu); Quy chế quản trị nội bộ Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Thực hiện bổ nhiệm và bổ nhiệm lại viên chức quản lý cấp trung. Đã bổ nhiệm lại 07 viên chức cấp Trưởng, phó đơn vị trực thuộc; kéo dài thời hạn bổ nhiệm 01 trường hợp đến hết tuổi lao động, 02 trường hợp đến 30/6/2022 do còn một số hạn chế; bổ nhiệm 04 viên chức từ cấp phó lên cấp trưởng, bổ nhiệm mới 01 phó trưởng phòng; bổ nhiệm lại 18 tổ trưởng, trưởng ca sản xuất. Không bổ nhiệm lại 03 cấp trưởng, phó đơn vị do vi phạm khuyết điểm (bị xử lý kỷ luật khiển trách).

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục xảy ra và bùng phát mạnh gây tâm lý lo ngại tiếp xúc giữa nhân viên Công ty với khách hàng, trong khi hoạt động của Công ty mang tính dịch vụ, việc ghi, thu tiền nước và các hoạt động khác trong thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng phát đòi hỏi phải có giải pháp thật phù hợp và hiệu quả. Thực hiện nghiêm các quy định tại Công văn số 4123/UBND-KGVX về việc thực hiện giãn cách xã hội phòng chống dịch Covid-19 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo các đơn vị cho nhân viên tạm ngưng làm việc trực tiếp ở một số bộ phận, sắp xếp làm việc luân phiên theo giãn cách, bố trí cho làm việc tại nhà và xây dựng kế hoạch trực sản xuất tại các nhà máy nước theo phương án *"3 tại chỗ"*; Đội Quản lý mạng và Sửa chữa tạm dừng hoạt động thi công gắn mới, tập trung cho khắc phục sự cố kỹ thuật đường ống và thi công những hạng mục công trình cấp bách được UBND tỉnh cho phép.

5. Lãnh đạo thực hiện công tác đoàn thể, xã hội

- Thực hiện Nghị định số 149/2018/NĐ-CP của Chính phủ về "Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc" phát huy vai trò làm chủ của người lao động. Chính quyền và Công đoàn đã tổ chức Hội nghị người lao động năm 2021 theo quy định.

- Phát động và thực hiện phong trào thi đua lao động sản xuất vì mục tiêu phát triển của Công ty; thực hiện tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, vận động phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty; quan tâm chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo điều kiện và bố trí lao động hợp lý để phát huy tốt năng lực lao động.

- Tổ chức thực hiện tốt việc thăm viếng, tặng quà Tết Nguyên đán Tân sửu cho các cán bộ trước đây công tác ở Công ty đã về hưu, Mẹ VNAH Công ty nhận phụng dưỡng, gia đình chính sách có liên quan... mỗi gia đình thuộc diện 01 phần quà và tiền mặt (trị giá 750.000 đồng).

- Đã đóng góp, vận động đóng góp ủng hộ tổng số tiền là 190 triệu đồng gồm: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bến Tre số tiền là 100 triệu đồng (từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty); vận động các đơn vị thi công, cung ứng vật tư ủng hộ 70 triệu cho Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Bến Tre, 10 triệu cho lực lượng phòng chống dịch của TTYT thành phố Bến Tre, 10 triệu cho lực lượng phòng chống dịch của Công an thành phố Bến Tre.

- Tất cả CNVC-LĐ tích cực tham gia và thực hiện tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới theo Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư và Chương trình hành động số 12-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; duy trì thực hiện tốt công tác phối hợp với Công an, BCH quân sự địa phương nơi có trụ sở cơ quan trú đóng; Lãnh đạo xây dựng kế hoạch hưởng ứng "Tháng an toàn vệ sinh lao động" theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo tỉnh; CNVC-LĐ đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất; Chấp hành nghiêm mọi quy định về an toàn khi tham gia giao thông nhất là trong dịp Lễ, Tết..

- Công đoàn: Vận động công đoàn viên tích cực công tác hoàn thành nhiệm vụ chính trị và xây dựng đoàn thể vững mạnh, thực hiện chăm lo cho CNVC-LĐ; phối hợp thăm viếng, tặng quà cho gia đình TBLS, đối tượng chính sách, tặng quà Tết cho cán bộ về hưu; Cử CNLĐ tham gia chương trình cùng công nhân đón Tết nguyên đán Tân sửu 2021; tổ chức tặng quà Tết cho đoàn viên và người lao động mỗi suất 300.000 đồng; tổ chức tặng quà cho chị em CNVC Công ty nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế hạnh phúc và ngày 20/10 với tổng số tiền 20,1 triệu đồng; tổ chức tặng quà sinh nhật cho đoàn viên và người lao động mỗi suất 200.000 đồng; tổ chức thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ từ quỹ công đoàn với số tiền 55,3 triệu đồng; vận động người lao động đóng góp ủng hộ 1 ngày lương cho ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 để sử dụng tổ chức tặng qùa cho các cháu là con CNVC-LĐ nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, khen thưởng cho các cháu đạt học sinh giỏi năm học 2020 – 2021, phát quà Tết Trung thu cho các cháu với tổng kinh phí trên 107 triệu đồng; do không tổ chức đi du lịch trong năm 2021 nên thực hiện chi tiền đi du lịch cho 100% CNVC - LĐ trong Công ty có mặt tại thời điểm 31/12/2020 trở về trước, mỗi người 3.500.000 đồng, tổng mức chi

là 983,5 triệu đồng... Chấm điểm, đánh giá xếp loại cuối năm 2021 CĐCS được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Đoàn thanh niên: Luôn quan tâm đến công tác giá dục chính trị tư tưởng, bám sát nội dung tuyên truyền của Đoàn cấp trên, tùy thuộc tình hình thực tế tại cơ quan mà có hướng tuyên truyền phù hợp, lồng ghép với các nội dung sinh hoạt Đoàn, thông qua mạng xã hội. Tuyên truyền kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2021), tuyên truyền cao điểm 90 năm thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2021), chào mừng thành công Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, 46 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2021), 131 năm ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2021), quốc tế Thiếu nhi 01/6, kỷ niệm 110 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, ngày Quốc tế thiếu nhi, Ngày thương binh - Liệt sĩ, kỷ niệm 76 năm ngày Cách mạng Tháng tám thành công, Quốc khánh Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; tuyên truyền cho đoàn viên nâng cao ý thức, trách nhiệm chung tay cùng cộng đồng đẩy lùi dịch bệnh Covid-19, vận động tham gia ủng hộ quỹ Vaccine phòng chống Covid-19 thông qua tin nhắn do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chính phủ kêu gọi, thực hiện tốt nguyên tắc 5K phòng chống dịch; Chấm điểm đánh giá xếp loại cuối năm đoàn cơ sở được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Ban lãnh đạo điều hành Công ty có sự chủ động, linh hoạt trong xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong điều kiện khó khăn của dịch bệnh và việc giãn cách xã hội, Ban Tổng Giám đốc đã lãnh đạo tổ chức, bố trí lực lượng lao động phù hợp với điều kiện đặc thù của từng công việc; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tích cực đóng góp cho công tác an sinh xã hội và các hoạt động khác.

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã chủ động phối hợp tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ ngay những tháng đầu năm 2021 theo kế hoạch và định hướng phát triển SXKD đề ra; tập trung mọi nỗ lực cho công tác phòng chống hạn mặn; công tác phòng, chống dịch bệnh. Hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch chủ yếu đề ra trong năm 2021; chỉ tiêu về lợi nhuận đạt 130% so với kế hoạch trong điều kiện SXKD không có nhiều thuận lợi như báo cáo nêu trên là một kết quả rất khả quan.

- Hoạt động của các tổ chức đoàn thể được quan tâm lãnh đạo, có phát động phong trào thi đua thiết thực trong đơn vị; các đoàn thể đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Phối hợp tổ chức vui xuân, đón Tết an toàn, vui tươi, tiết kiệm; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

2. Hạn chế

- Doanh thu năm 2021 chưa đạt kế hoạch (210.562 triệu / 213.000 triệu = 98,86%). Do trong năm Công ty có thực hiện giảm 10% tiền sử dụng nước trong 02 tháng (kỳ 8, kỳ 9) để hỗ trợ cho tất cả khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, số tiền giảm là 3.390 triệu đồng.

- Do tập trung, ưu tiên cho công tác chống mặn và ảnh hưởng của dịch Covid-19 phải thực hiện giãn cách xã hội trong 03 tháng nên công tác đầu tư giá trị thực hiện so với kế hoạch đề ra còn thấp; Tình hình dịch bệnh cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện thay thủy lượng kế (trong giá thành), dù rất nỗ lực ngay sau hết giãn cách xã hội nhưng chỉ tiêu này cũng chưa đạt kế hoạch.

- Chỉ tiêu nước thất thoát là 23,33%, vượt 3,3% so với kế hoạch, đây là hạn chế mà Công ty cần phải tập trung khắc phục ngay trong năm 2022.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

Trong năm 2022 Ban lãnh đạo điều hành Công ty sẽ tập trung lãnh đạo và tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

I. Hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu.

- Sản lượng nước ghi thu: 20.409.000 m^3;
- Tổng doanh thu: 216.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 53.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 44.000 triệu đồng;
- Nộp ngân sách: 100% theo quy định;
- Tỷ lệ nước thất thoát: 20%;
- Gắn mới Thủy lượng kế 3.000 cái;
- Thay Thủy lượng kế đến hạn kiểm định: 18.400 cái;
- Tiền lương bình quân KH của người lao động: 7,83 tr.đồng/người/tháng.
- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 là 9% / Vốn điều lệ.

(Chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2022 – xem bảng số 2 kèm theo)

2. Công tác đầu tư.

- Đẩy nhanh công tác thi công các hạng mục đầu tư trong kế hoạch 2021 chuyển sang và kế hoạch XDCB năm 2022 được HĐQT thông qua, ưu tiên cho các công trình phòng chống hạn mặn; Triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, thời gian theo lệnh thi công đã ký; hoàn chỉnh hồ sơ, nghiệm thu, quyết toán kịp thời đối với các công trình đã thi công xong.

- Đầu tư, cải tạo nâng cấp các công trình xử lý nước tại các nhà máy, thực hiện phân vùng tách mạng, cải tạo thay thế các tuyến ống cũ, đầu tư trang thiết bị và các phần mềm hỗ trợ cho công tác chống thất thoát nước trên toàn hệ thống góp phần giảm tỷ lệ thất thoát; đến cuối năm 2022 phấn đấu tỷ lệ nước thất thoát là 20%.

- Tổng giá trị dự kiến đầu tư XDCB kế hoạch năm 2022 là : 175.300 triệu đồng; nguồn vốn: vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và vốn vay thương mại.

(Có danh mục đầu tư và chi phí – Bảng số 3, kèm theo)

3. Thực hiện công tác chuyên môn và quản lý.

- Lãnh đạo các hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch do Chủ sở hữu giao và các chỉ tiêu được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; lãnh đạo thực hiện công tác chống thất thoát bằng những giải pháp cụ thể và hiệu quả, phấn đấu kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch đề ra (là 20%), tiến tới quản lý giảm thất thoát nước ổn định và bền vững.

- Lãnh đạo thực hiện tốt các giải pháp phòng chống hạn mặn cho mùa khô năm 2022, đảm bảo không cấp nước có độ mặn vượt quy chuẩn cho khách hàng; có kế hoạch đảm bảo an ninh, an toàn cho nguồn nước tại tất cả các nhà máy của Công ty. Tiếp tục xúc tiến các bước trong thực hiện dự án tiếp nhận nguồn nước thô của Công ty cổ phần đầu tư ngành nước DNP (hoặc có giải pháp tìm nguồn nước thô ổn định, đảm bảo chất lượng cho NMN Sơn Đông trong thời gian DNP chưa phát nước); tiếp nhận nguồn nước của Công ty TNHH Thương mại Đầu tư phát triển Đỗ Hoàng Sinh để cấp cho Giồng Trôm theo phương án đã thỏa thuận, không để bị động trong mùa khô 2022 – 2023.

- Nghiên cứu phương án giá thành nước sạch và lộ trình tăng giá nước trong các năm tiếp theo, trình phê duyệt nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định. Tiếp tục hoàn thiện và khai thác có hiệu quả chương trình quản lý khách hàng, quản lý tài sản; triển khai bộ phận chăm sóc khách hàng.

- Tiếp tục lãnh đạo thực hiện tốt đề án không dùng tiền mặt trong thanh toán tiền nước và không thu tiền nước tại nhà khách hàng theo tiến độ, kế hoạch đã đề ra; tăng cường công tác quản lý các liên kết thu hộ, nhờ thu thật chặt chẽ; cần có giải pháp phù hợp theo từng thời điểm, từng nhóm đối tượng, có đánh giá rút kinh nghiệm cụ thể.

- Hoàn thiện và đưa vào ứng dụng thực hiện quản lý doanh nghiệp theo tiêu chuẩn ISSO 9001 –2015; xây dựng đề án đánh giá, sử dụng nguồn nhân lực, làm cơ sở để tiến tới trả lương theo hiệu quả công việc. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý còn thiếu, sửa đổi, bổ sung nội dung không phù hợp.

- Đẩy nhanh công tác thi công các hạng mục đầu tư trong kế hoạch 2022 và các công trình hạng mục dở dang năm 2021 chuyển sang (đã được nêu cụ thể trong kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022); ưu tiên cho các công trình phòng chống hạn mặn, chống thất thoát nước.

- Trình xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thời gian nghỉ hưởng chế độ hưu trí của Người đại diện 51% vốn nhà nước đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; Xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh cho chủ trương về cử người làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và người giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Lãnh đạo việc tổ chức Đại hội cổ đông bất thường để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và chức danh có liên quan khác kế tục nhiệm kỳ 2020 – 2025 của HĐQT theo ý kiến của Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

4. Một số công tác khác.

- Phát động phong trào thi đua yêu nước; thi đua tăng năng suất lao động, phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để có thể chọn lựa áp dụng vào sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm nguồn lực của đơn vị. Hưởng ứng và tổ chức thực hiện tốt phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí do các cấp phát động.

- Lãnh đạo thực hiện tốt "Quy chế dân chủ cơ sở" theo Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; phát huy vai trò làm chủ của người lao động; tích cực tham gia công tác xã hội - từ thiện, xây dựng nông thôn mới;

- Quan tâm chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo điều kiện và bố trí công việc ổn định, hợp lý để nâng dần đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Lãnh đạo xây dựng hệ thống bộ máy quản lý, các đoàn thể đủ mạnh nhằm hoạt động có hiệu quả. Tạo điều kiện để viên chức quản lý và người lao động tham gia học tập đầy đủ các chủ trương, đường lối, chính sách, luật pháp của Đảng và Nhà nước, khuyến khích việc tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật...

- Trong năm bằng nguồn quỹ phúc lợi và vận động các nguồn khác sẽ ủng hộ xây dựng từ 1 đến 2 nhà Tình thương cho đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở; tiếp tục phụng dưỡng 01 Mẹ VNAH, mức phụng dưỡng 18 triệu đồng/năm.

- Tiếp tục thực hiện mua bảo hiểm nhân thọ cho viên chức quản lý và người lao động bằng nguồn chi phí hợp lệ được quy định; phối hợp với BCH Công đoàn cụ thể hóa việc thực hiện.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên CSHCM, Hội Cựu Chiến binh hoạt động tốt nhất và đúng theo Điều lệ qui định của đoàn thể nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Công ty. Phấn đấu các đoàn thể trong năm đều đạt danh hiệu vững mạnh trở lên.

II. Biện pháp tổ chức thực hiện.

1. Giải pháp về quản lý sản xuất Kinh doanh

- Ngay sau kết thúc hạn mặn, khẩn trương tổng kết, đánh giá thiệt hại, chi phí phát sinh và những tác động kèm theo, đề ra giải pháp xử lý hữu hiệu, đưa hoạt động SXKD trở lại bình thường.

- Nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh, các ngành chức năng trong việc ứng phó hạn mặn, ngày cành hiệu quả và tiết kiện chi phí hơn; trong tầm nhiệm vụ và năng lực

của Công ty, chủ động thực hiện các giải pháp công trình, phi công trình cho công tác khắc phục nước bị nhiễm mặn từ nay về sau.

- Công tác về chất lượng nước cấp phải được đặt lên hàng đầu, đẩy mạnh đầu tư cho công tác khai thác nguồn nước dùng cho xử lý đảm bảo đủ số lượng, đạt về chất. Hết sức chú trọng vấn đề an ninh, an toàn nguồn nước Công ty đang khai thác.

- Tăng cường các biện pháp kỹ thuật; từng bước đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin vào công tác giám sát, quản lý toàn hệ thống;

Từng bước thay thế thủy lượng kế đang sử dụng bằng đồng hồ thông minh để góp phần cho việc quản lý; chống thất thoát nước

2. Giải pháp về tài chính

- Tập trung tích lũy vốn để có một tiềm lực về tài chính mạnh, đủ tầm vóc để thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư, thay thế thiết bị để gia tăng sản lượng nước, tiết kiệm điện, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng trong vùng phục vụ;

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường , lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.

3. Giải pháp quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng nước tiêu thụ

- Ưu tiên đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước vào các khu vực trọng điểm có nhu cầu tiêu thụ cao như các khu công nghiệp, cụm dân cư;

- Thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng; phân tích nhu cầu khách hàng, khai thác hiệu quả và nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện chương trình quản lý khách hàng hiện có; thiết lập đường dây nóng tiếp nhận thông tin khách hàng nhằm từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng;

- Tiếp tục cải tiến công tác ghi, thu tiền nước, nghiên cứu áp dụng công nghệ mới vào trong lĩnh vực này; giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất. Đẩy nhanh việc thực hiện không thu tiền nước bằng tiền mặt, tiến tới không thu tiền nước tại nhà khách hàng.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành theo hướng gọn nhẹ, đảm bảo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt hiệu quả cao;

- Thực hiện luân chuyển, điều động viên chức lãnh đạo, quản lý cấp Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc nhằm đổi mới hoạt động quản trị, điều hành.

- Chú trọng nâng cao năng lực cho người lao động và cán bộ quản lý trong Công ty. Xây dựng kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác.

5. Giải pháp tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp từ việc nâng cao năng lực quản lý, tăng cường về thể chế (phối hợp với các Sở ngành có liên quan, tăng cường công tác đào tạo dò tìm ống bể, đảm bảo chất lượng thi công, phát hiện và sửa chữa kịp thời.)

- Kết hợp với các giải pháp kỹ thuật (quản lý mạng lưới trên cơ sở ứng dụng GIS, phân vùng tách mạng...), ưu tiên về tài chính và quan tâm đến giải pháp quan hệ cộng đồng, vận động xã hội cùng tham gia chống thất thoát nước, bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm trong sử dụng nước.

Trên đây là báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và các giải pháp thực hiện. Tổng Giám đốc Công ty xin trân trọng báo cáo trước đại hội./.

Nơi nhận:
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC I: KẾ HOẠCH MUA SẮM TÀI SẢN, VẬT TƯ NĂM 2022

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
A	GẮN MỚI VÀ SỬA CHỮA ĐỒNG HỒ NƯỚC				13.639.863.100	
1	Đồng hồ nước 15 ly phục vụ gắn mới (Multimag cấp B)- gồm chi phí kiểm định	Cái	3.000	445.000	1.335.000.000	
2	Đồng hồ nước 15 ly phục vụ thay thế sửa chữa (Multimag cấp B)- gồm chi phí kiểm định	Cái	6.140	445.000	2.732.300.000	
3	Đồng hồ 15 ly hiệu Arad (ghi dữ liệu từ xa)	Cái	1.460	2.650.000	3.869.000.000	
4	Sữa chữa và kiểm định lại Đồng hồ 15 ly	Cái	6.000	234.000	1.404.000.000	
5	Co PP 25x25 (Plasson)	Cái	8.300	57.000	473.100.000	
6	Co PP 25x27 RN (Plasson)	Cái	1.000	47.000	47.000.000	
7	Van góc 25x3/4"	Cái	7.700	185.000	1.424.500.000	
8	Khớp nối ren ngoài 25x3/4" (Plasson)	Cái	8.300	40.000	332.000.000	
9	Đai khởi thủy 60x3/4"	Cái	8.300	58.000	481.400.000	
10	Đồng hồ nước 50 ly - loại cơ	Cái	20	5.997.000	119.940.000	
11	Đồng hồ nước 25 ly	Cái	40	2.534.000	101.360.000	
12	Đồng hồ nước 20 ly	Cái	40	1.092.000	43.680.000	
13	Ống HDPE D25x3 mm	Mét	24.900	12.830	319.467.000	
14	Ống PVC D27x1,9 mm	Mét	1.660	12.400	20.584.000	
15	Ống HDPE D32x3 mm	Mét	3.000	16.800	50.400.000	
16	Ống HDPE D40x3 mm	Mét	1.000	21.500	21.500.000	
17	Ống HDPE D63x4,7 mm	Mét	1.100	53.000	58.300.000	
18	Co PVC D27x90 độ RT	Cái	8.300	4.800	39.840.000	
19	Co PVC D27x90 độ	Cái	8.300	1.800	14.940.000	
20	Băng keo	cuộn	12.450	3.800	47.310.000	
21	Keo dán ống	Kg	166	152.600	25.331.600	
22	Đai khởi thủy 114x3/4"	Cái	22	170.000	3.740.000	
23	Đai khởi thủy 90x3/4"	Cái	33	142.000	4.686.000	
24	Đai khởi thủy 49x3/4"	Cái	33	106.000	3.498.000	
25	Đai khởi thủy 42x3/4"	Cái	55	90.000	4.950.000	
26	Lưới lọc TLK D50 ly	Cái	5	1.262.000	6.310.000	
27	Van bi đồng 3/4"	Cái	500	93.000	46.500.000	
28	Van thau 60 Sanwa	Cái	150	630.000	94.500.000	
29	Dụng cụ cúp nước tại van góc - dùng kết hợp van góc đẩy	Cái	200	50.000	10.000.000	
30	Mối nối sửa ống bể PVC D60	Cái	30	1.220.550	36.616.500	
31	Hộp đồng hồ	Cái	200	115.000	23.000.000	
32	Khớp nối ống bằng đồng 3/4" (gắn kèm Hộp đồng hồ)	Cái	200	147.000	29.400.000	
33	Van bi bằng đồng 3/4" (gắn theo Hộp đồng hồ)	Cái	200	155.000	31.000.000	
34	Phụ kiện các loại (D>=25) phục vụ công tác sửa chữa và gắn mới TLK				300.000.000	
35	Kiểm định, sửa chữa đồng hồ điện tử D100	Cái	3	7.500.000	22.500.000	
36	Kiểm định, sửa chữa đồng hồ điện tử D150	Cái	5	10.800.000	54.000.000	
37	Kiểm định đồng hồ D100 (loại cơ)	Cái	9	680.000	6.120.000	
38	Kiểm định đồng hồ D150 (loại cơ)	Cái	1	2.090.000	2.090.000	
B	CÔNG TÁC SỬA CHỮA MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC				1.981.772.015	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
I	**PHÒNG KINH DOANH**				**53.500.000**	
1	Cút PVC 34x90độ	Cái	30	6.800	204.000	
2	Co PVC 34 RT	Cái	30	7.200	216.000	
3	Ống uPVC D34 x 2,1 mm	Mét	50	17.400	870.000	
4	Nối PP 25	Cái	250	62.000	15.500.000	
5	Nối PP25x27RT	Cái	150	40.000	6.000.000	
6	Nối PVC 27	Cái	500	3.200	1.600.000	
7	Nối PVC 34	Cái	50	5.300	265.000	
8	Nối PVC 27 RT	Cái	200	3.400	680.000	
9	Nối PVC 34 RT	Mét	50	5.300	265.000	
10	Đầu bít Inox 27	Cái	300	25.000	7.500.000	
11	Cút PP 25x27 RT	Cái	400	51.000	20.400.000	
II	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC MỎ CÀY**				**346.524.400**	
1	Ống HDPE D32 x 3mm	m	40	16.800	672.000	
2	Ống HDPE D40 x 3mm	m	40	21.500	860.000	
3	Ống HDPE 63 x 3mm	m	40	53.000	2.120.000	
4	Ống HDPE 160 x 9,5mm	m	12	306.000	3.672.000	
5	Ống uPVC D60 x 2,5 mm	m	500	38.400	19.200.000	
6	Ống uPVC D90 x 3 mm	m	48	71.400	3.427.200	
7	Ống uPVC D114 x 5 mm	m	36	149.300	5.374.800	
8	Ống uPVC D168 x 7 mm	m	60	346.100	20.766.000	
9	Ống uPVC D280 x 13,4 mm	m	36	1.057.000	38.052.000	
10	Manchon gang D250	Cái	16	3.577.000	57.232.000	
11	Manchon gang D150	Cái	16	1.889.000	30.224.000	
12	Manchon gang D100	Cái	24	1.280.000	30.720.000	
13	Nối PVC D90	Cái	30	37.600	1.128.000	
14	Nối PVC D60	Cái	360	17.300	6.228.000	
15	Nối PVC D27	Cái	200	3.200	640.000	
16	Nối HDPE D63	Cái	20	120.800	2.416.000	
17	Nối HDPE D40	Cái	72	55.800	4.017.600	
18	Nối PP D32	Cái	72	86.000	6.192.000	
19	Nối PP D25	Cái	480	62.000	29.760.000	
20	Nối PP D25x27 RT	Cái	70	40.000	2.800.000	
21	Code gang D250x60	Cái	8	1.000.300	8.002.400	
22	Code gang D150x60	Cái	8	694.000	5.552.000	
23	Code gang D100x60	Cái	8	586.000	4.688.000	
24	Cút PVC D60x90^0	Cái	70	25.700	1.799.000	
25	Cút PVC D60x45^0	Cái	70	20.800	1.456.000	
26	Cút PVC D27x90^0	Cái	30	4.800	144.000	
27	Van thau D60	Cái	20	630.000	12.600.000	
28	Van xả khí D20	Cái	20	1.794.000	35.880.000	
29	Van thau D34	Cái	8	145.000	1.160.000	
30	Tê PVC D60	Cái	40	35.100	1.404.000	
31	Đầu răng Inox D60	Cái	15	120.000	1.800.000	
32	Đầu răng inox 27	Cái	15	25.000	375.000	
33	Đầu bít Inox D27	Cái	100	25.000	2.500.000	
34	Keo dán	Kg	24	152.600	3.662.400	
III	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC GIỒNG TRÔM**				**287.240.815**	
1	Ống PVC D220x8,7mm	mét	12	514.000	6.168.000	
2	Manchon Gang D200	cái	4	2.657.000	10.628.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
2	Cô dê Gang D200x60	cái	6	853.000	5.118.000	
3	Ống PVC D168x7mm	mét	12	346.100	4.153.200	
3	Manchon gang D150 (OD168)	cái	6	1.889.000	11.334.000	
4	Van gang D150 BB	cái	2	9.936.895	19.873.790	
4	Ống HDPE D125x7,4mm	mét	20	186.800	3.736.000	
5	Manchon gang nối ống HDPE D125	cái	10	1.670.000	16.700.000	
5	Ống HDPE D63 x 4,7mm	mét	80	53.000	4.240.000	
6	Nối HDPE D63	cái	30	120.800	3.624.000	
6	Nối HDPE D63- RT	cái	40	127.700	5.108.000	
7	Đầu bít HDPE D63	cái	10	72.500	725.000	
7	Tê HDPE D63	cái	10	207.000	2.070.000	
8	Cút HDPE D63x 90 độ	cái	10	138.000	1.380.000	
8	Ống PVC D114x5mm	mét	72	149.300	10.749.600	
9	Van Gang D100	cái	5	5.707.997	28.539.985	
9	Cút PVC D114x90 độ	cái	48	147.700	7.089.600	
10	Cút PVC D114x45 độ	cái	40	99.900	3.996.000	
10	Tê PVC D114	cái	8	180.500	1.444.000	
11	Manchon Gang D100 (nối ống D114)	cái	48	1.280.000	61.440.000	
	Cô dê Gang D114x60	cái	4	586.000	2.344.000	
12	Nối giảm PVC D114x60	cái	4	57.000	228.000	
12	Ống PVC D60x2,5mm	mét	950	38.400	36.480.000	
13	Van thau D60	cái	10	630.000	6.300.000	
13	Nối PVC D60 RN	cái	40	12.091	483.640	
14	Nối PVC D60 RT	cái	40	16.400	656.000	
14	Cút PVC D60x90	cái	150	25.700	3.855.000	
15	Cút PVC D60x45	cái	100	20.800	2.080.000	
15	Tê PVC D60	cái	40	35.100	1.404.000	
16	Đầu bít PVC D60	cái	60	12.300	738.000	
16	Keo Dán ống	kg	40	152.600	6.104.000	
17	Ống PVC D49x2,5mm	mét	450	30.600	13.770.000	
17	Cút PVC D49x90	cái	100	16.200	1.620.000	
18	Cút PVC D49x45	cái	50	13.500	675.000	
18	Tê PVC D49	cái	30	20.500	615.000	
	Đầu bít PVC D49	cái	20	7.300	146.000	
19	Van PVC D49	cái	25	65.000	1.625.000	
IV	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC CHỢ LÁCH**				**87.170.000**	
1	Ống PVC D168x7mm	mét	20	346.100	6.922.000	
2	Ống PVC D160x7,7mm	mét	2	397.600	795.200	
3	Ống PVC D114 x5mm	mét	40	149.300	5.972.000	
4	Ống PVC D90x3mm	mét	8	71.400	571.200	
5	Ống PVC D60x2,5mm	mét	700	38.400	26.880.000	
6	Ống PVC D49x2,5mm	mét	10	30.600	306.000	
7	Ống PVC D42x2,1mm	mét	10	23.000	230.000	
8	Đai khởi thủy D100x60	cái	1	586.000	586.000	
9	Đai khởi thủy D150x60	cái	1	694.000	694.000	
10	Code PP 280x27	cái	10	392.800	3.928.000	
11	Đai khởi thủy D90x27	cái	5	142.000	710.000	
12	Đai khởi thủy D60x27	cái	30	58.000	1.740.000	
13	Đai khởi thủy D49x27	cái	5	106.000	530.000	
14	Đai khởi thủy D42x27	cái	2	90.000	180.000	
15	Manchon gang D100	cái	8	1.280.000	10.240.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
16	Manchon gang D150	cái	8	1.889.000	15.112.000	
17	Manchon gang D80	cái	4	889.000	3.556.000	
18	Co PVC D60x90 độ	cái	80	25.700	2.056.000	
19	Co PVC D60x45 độ	cái	80	20.800	1.664.000	
20	Co PVC D49x90 độ	cái	10	16.200	162.000	
21	Co PVC D49x45 độ	cái	10	13.500	135.000	
22	Đầu bít PVC D49	cái	2	7.300	14.600	
23	Đầu bít PVC D60	cái	10	12.300	123.000	
24	Van PVC D60 (2 chiều)	cái	5	95.000	475.000	
25	Van xả khí PP 20	cái	2	1.794.000	3.588.000	
V	**ĐỘI QUẢN LÝ MẠNG VÀ SỬA CHỮA**				**1.207.336.800**	
1	Ống PVC D168x7mm	mét	100	346.100	34.610.000	
2	Ống PVC D160x7,7mm	mét	150	397.600	59.640.000	
3	Ống PVC D114	mét	100	149.300	14.930.000	
4	Ống PVC D90x3mm	mét	50	71.400	3.570.000	
5	Ống PVC D60x2,5mm	mét	1200	38.400	46.080.000	
6	Ống HPDE D63x4,7mm	mét	600	53.000	31.800.000	
7	Ống PVC D49x2,5 mm	mét	100	30.100	3.010.000	
8	Ống PVC D42x2,1mm	mét	100	23.000	2.300.000	
9	Đai khởi thủy D100x60	cái	50	586.000	29.300.000	
10	Đai khởi thủy D150x60	cái	50	694.000	34.700.000	
11	Đai khởi thủy D90x27	cái	30	142.000	4.260.000	
12	Đai khởi thủy D60x27	cái	100	58.000	5.800.000	
13	Đai khởi thủy D49x27	cái	50	106.000	5.300.000	
14	Đai khởi thủy D42x27	cái	50	90.000	4.500.000	
15	Manchon gang D200	cái	30	2.657.000	79.710.000	
16	Manchon gang D100	cái	40	1.280.000	51.200.000	
17	Manchon gang D150	cái	50	1.889.000	94.450.000	
18	Manchon gang D80	cái	20	889.000	17.780.000	
19	Co PVC D60x90 độ	cái	1000	25.700	25.700.000	
20	Co PVC D60x45 độ	cái	200	20.800	4.160.000	
21	Co PVC D49x90 độ	cái	200	16.200	3.240.000	
22	Co PVC D49x45 độ	cái	100	13.500	1.350.000	
23	Đầu bít PVC D49	cái	40	7.300	292.000	
24	Đầu bít PVC D60	cái	100	12.300	1.230.000	
25	Van PVC D60	cái	60	95.000	5.700.000	
26	Van xả khí PP 20	cái	30	1.794.000	53.820.000	
27	Manchon gang 250	cái	10	3.577.000	35.770.000	
28	Manchon gang 300	cái	10	4.688.000	46.880.000	
29	Manchon gang 350	cái	6	7.031.000	42.186.000	
30	Manchon gang 400	cái	6	8.178.000	49.068.000	
31	Manchon gang 500	cái	6	11.368.000	68.208.000	
32	Manchon gang 600	cái	4	17.317.000	69.268.000	
33	Ống PVC D250x 9,6mm	mét	18	666.800	12.002.400	
34	Ống PVC D315 x15 mm	mét	18	1.287.100	23.167.800	
35	Ống PVC D500x 23,9mm	mét	18	3.369.700	60.654.600	
36	Ống HDPE D125x7,4 mm	mét	50	186.800	9.340.000	
37	Ống HDPE 160 x 9,5mm	mét	50	306.000	15.300.000	
38	Nối HDPE D63	cái	100	120.800	12.080.000	
39	Manchon gang nối ống HDPE 125	cái	20	1.670.000	33.400.000	
40	Manchon gang nối ống HDPE 160	cái	20	2.200.000	44.000.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
41	Cút HDPE D63x90 độ	cái	200	138.000	27.600.000	
42	Cút HDPE D63x60 RN	cái	100	134.900	13.490.000	
43	Cút HDPE D63x60 RT	cái	100	218.300	21.830.000	
44	Tê HDPE D63	cái	50	20.700	1.035.000	
45	Đầu bít HDPE D63	cái	50	72.500	3.625.000	
C	BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG TẠI CÁC NHÀ MÁY				801.012.920	
I	**NMN SƠN ĐÔNG**				**333.454.644**	
1	Bảo trì bảo dưỡng máy phát điện	Lần	2	1.800.000	3.600.000	
2	Đèn 1,2 m	Bộ	5	141.750	708.750	
3	Bóng đèn Led 40W	Cái	10	147.000	1.470.000	
4	Bóng đèn Led 60W	cái	10	241.500	2.415.000	
5	Bóng đèn Led 20W	cái	5	78.750	393.750	
6	Quạt hút lớn cho tủ điện	cái	1	283.500	283.500	
7	Quạt hút nhỏ cho các tủ điện	Cái	3	220.500	661.500	
8	Đầu đò đo PH	cái	2	22.000.000	44.000.000	
9	Dây điện đội có vỏ bọc (2x2.5)	Mét	100	20.000	2.000.000	
10	MCB 600A	cái	1	7.875.000	7.875.000	
11	Dây cáp đồng 4x95	m	100	1.023.750	102.375.000	
12	Điện trở nung nhiệt máy châm clor	Cái	1	4.000.000	4.000.000	
13	Ống đồng dẫn clo (3m)	cái	2	6.500.000	13.000.000	
14	Chì tấm đột ron	kg	2	100.000	200.000	
15	Cân bàn điện tử	cái	1	16.000.000	16.000.000	
16	Bộ đồ+mặt nạ phòng khí độc clo	bộ	2	7.000.000	14.000.000	
17	Bạc đạn 6317	Cái	2	10.000.000	20.000.000	
18	Bạc đạn 6316	Cái	2	3.600.000	7.200.000	
19	Bạc đạn 6312	Cái	4	600.000	2.400.000	
20	Bạc đạn 6308	Cái	2	800.000	1.600.000	
21	Bạc đạn 6310	Cái	4	1.000.000	4.000.000	
22	Mỡ bò chịu nhiệt SKF	thùng	2	3.000.000	6.000.000	
23	Dây trết 12 ly	m	20	40.000	800.000	
24	Dây cô ro	sợi	7	50.000	350.000	
25	Ron bố	m2	5	600.000	3.000.000	
26	Van bướm D300	Cái	1	23.959.751	23.959.751	
27	Van bướm D200	Cái	3	12.782.495	38.347.485	
28	Van bướm tay gạt DN150	cái	3	4.271.636	12.814.908	
II	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC MỎ CÀY**				**4.368.500**	
1	Nhớt	lít	43	95.000	4.085.000	
2	Đèn 1,2 m	Bộ	2	141.750	283.500	
III	**NMN AN HIỆP**				**130.767.000**	
1	Bảo trì bảo dưỡng máy phát điện An Hiệp	Lần	2	1.600.000	3.200.000	
2	Bảo trì bảo dưỡng máy phát điện Cái Cỏ	Lần	2	1.800.000	3.600.000	
3	Thay thế vật tư máy phát điện (lọc dầu, lọc nhớt, lọc gió, nhớt, nước làm mát, nhân công vệ sinh) - MPĐ An Hiệp	lần	1	26.945.000	26.945.000	
4	Thay thế vật tư máy phát điện (lọc dầu, lọc nhớt, lọc gió, nhớt, nước làm mát, nhân công vệ sinh) - MPĐ Cái Cỏ	lần	1	37.570.000	37.570.000	
5	Đèn 1,2 m	Bộ	5	141.750	708.750	
6	Bóng đèn Led 40W	Cái	10	147.000	1.470.000	
7	Bóng đèn Led 60W	cái	5	241.500	1.207.500	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
8	Bóng đèn Led 20W	cái	5	78.750	393.750	
9	Quạt hút nhỏ cho các tủ điện	Cái	2	220.500	441.000	
10	Đầu dò đo clo	cái	1	10.000.000	10.000.000	
11	Công tắc hành trình	Cái	5	500.000	2.500.000	
12	Rờ le các loại	cái	5	556.500	2.782.500	
13	Rơ le bảo vệ điện áp	cái	1	556.500	556.500	
14	Bóng đèn led 12W	cái	5	50.400	252.000	
15	Dây điện đôi (2x3.0)	Mét	50	20.000	1.000.000	
16	Điện trở nung nhiệt máy châm clor	Cái	1	4.000.000	4.000.000	
17	Ống đồng dẫn clo (3m)	cái	2	6.500.000	13.000.000	
18	Chì tấm đột ron	kg	2	70.000	140.000	
19	Bộ đồ+mặt nạ phòng khí độc clo	bộ	2	7.000.000	14.000.000	
20	Mỡ bò chịu nhiệt SKF	thùng	2	3.000.000	6.000.000	
21	Ống nhựa mềm	m	50	20.000	1.000.000	
IV	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHÚ TÂN**				**41.885.000**	
1	Thay thế vật tư máy phát điện (lọc dầu, lọc nhớt, lọc gió, nhớt, nước làm mát, nhân công vệ sinh) - MPĐ Phú Tân	Lần	1	13.950.000	13.950.000	
2	Bảo trì bảo dưỡng máy phát điện Phú Tân	Lần	2	1.600.000	3.200.000	
3	Bóng đèn Led 40W	Cái	5	147.000	735.000	
4	Máy châm clor 2kg	Cái	1	20.000.000	20.000.000	
5	Điện trở nung nhiệt máy châm clor	Cái	1	4.000.000	4.000.000	
V	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC GIỒNG TRÔM**				**212.482.340**	
1	Thay thế vật tư máy phát điện (lọc dầu, lọc nhớt, lọc gió, nhớt, nước làm mát, nhân công vệ sinh) - MPĐ Lương Quới	Lần	1	16.140.000	16.140.000	
2	Bảo trì bảo dưỡng máy phát điện	Lần	2	1.600.000	3.200.000	
3	Đèn 1,2 m	Bộ	6	141.750	850.500	
4	Bóng đèn Led 40W	Cái	15	147.000	2.205.000	
5	Dây điện đôi xám tròn (2x2,5)	Mét	50	20.000	1.000.000	
6	Máy châm clor 2kg	Cái	1	20.000.000	20.000.000	
7	Bình chứa clor 50 kg	Bình	4	17.000.000	68.000.000	
8	Máy bơm định lượng PAC loại 155l/h	Cái	1	17.360.000	17.360.000	
9	Van bướm D250	Cái	2	18.874.690	37.749.380	
10	Van bướm D200		1	12.782.495	12.782.495	
11	Van bướm D150		1	10.116.120	10.116.120	
12	Van bướm D100		1	5.378.625	5.378.625	
13	Van cổng D100		1	5.707.997	5.707.997	
14	Van 1 chiều D100		1	11.992.223	11.992.223	
VI	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC CHỢ LÁCH**				**78.055.436**	
1	Bảo trì bảo dưỡng máy phát điện	Lần	2	1.600.000	3.200.000	
2	Thay thế vật tư máy phát điện (lọc dầu, lọc nhớt, lọc gió, nhớt, nước làm mát, nhân công vệ sinh) - MPĐ Chợ Lách	lần	1	11.220.000	11.220.000	
3	Đèn 1,2 m	Bộ	2	141.750	283.500	
4	Bóng đèn Led 40W	Cái	5	147.000	735.000	
5	Van bướm D300	Cái	1	23.959.751	23.959.751	
6	Van bướm D250	Cái	1	18.874.690	18.874.690	
7	Van bướm D200 BB	Cái	1	12.782.495	12.782.495	
8	Bộ đồ+mặt nạ phòng khí độc clo	bộ	1	7.000.000	7.000.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
D	**HÓA CHẤT, NHIÊN LIỆU PHỤC VỤ SẢN XUẤT**				**5.339.548.000**	
I	**NMN SƠN ĐÔNG**				**2.460.990.000**	
1	Xút (NaOH)	tấn	5	16.428.000	82.140.000	
2	PAC (Việt Trì)	tấn	111	13.720.000	1.522.920.000	
3	Clor (bình 900 kg)	Kg	40.000	17.605	704.200.000	
4	Dầu	Lít	10.000	15.173	151.730.000	
II	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC MỎ CÀY**				**46.609.000**	
1	Clor (bình 50 kg)	Kg	600	27.105	16.263.000	
2	Dầu Diezel	Lít	2.000	15.173	30.346.000	
III	**NMN AN HIỆP**				**1.504.965.000**	
1	Xút (NaOH)	tấn	5	16.428.000	82.140.000	
2	PAC (Việt Trì)	tấn	58	13.720.000	795.760.000	
3	Clor (bình 900 kg)	Kg	27.000	17.605	475.335.000	
4	Dầu	lít	10.000	15.173	151.730.000	
IV	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHÚ TÂN**				**675.675.000**	
1	PAC (Việt Trì)	tấn	30	13.720.000	411.600.000	
2	Clor (Bình 900 kg)	Kg	15.000	17.605	264.075.000	
V	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC GIỒNG TRÔM**				**466.873.500**	
1	PAC (Việt Trì)	tấn	17	13.720.000	233.240.000	
2	Clor (Bình 50 kg)	Kg	7.500	27.105	203.287.500	
3	Dầu Diesel	Lít	2.000	15.173	30.346.000	
VI	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC CHỢ LÁCH**				**383.435.500**	
1	PAC (Việt Trì)	tấn	14	13.720.000	192.080.000	
2	Clor (Bình 50 kg)	Kg	6.500	27.105	176.182.500	
3	Dầu Diesel	Lít	1.000	15.173	15.173.000	
E	**SỬA CHỮA NÂNG CẤP HOẶC THAY THẾ TÀI SẢN**				**872.950.000**	
I	**NMN AN HIỆP**				**82.680.600**	
1	Dây cáp inox hệ thống cào bùn	Mét	100	50.000	5.000.000	
2	Bơm bùn 02 bể dài	bể	2	15.000.000	30.000.000	
3	Cảm biến áp suất (0-10)bar - hiệu Danfoss	cái	2	3.700.000	7.400.000	
4	Vòng đệm - máy bơm 250 kW	cái	2	15.099.000	30.198.000	
5	Vòng đệm - máy bơm 110 kW	cái	1	10.082.600	10.082.600	
II	**NMN SƠN ĐÔNG**				**423.500.000**	
1	Đắp cốt bơm+ đóng sơ mi bạc đạn máy bơm 75KW - Trạm bơm cấp I	Cái	1	20.000.000	20.000.000	
2	Bộ giảm tốc	cái	1	10.000.000	10.000.000	
3	Khởi động mềm 63A (200-525V) - 30 kW	cái	2	24.700.000	49.400.000	
4	Cát thạch anh (0,8-1,2 mm)	m3	150	1.800.000	270.000.000	
5	Máy thổi khí Longtech-Đài Loan P=1,5 kW	bộ	1	18.000.000	18.000.000	
6	Ống nhựa mềm 21	m	50	16.000	800.000	
7	Thùng nhựa 500 lít	cái	2	1.400.000	2.800.000	
8	Cảm biến áp suất (0-10 bar)-hiệu Danfoss	cái	2	3.700.000	7.400.000	
9	Vòng đệm -máy bơm số 1 Trạm bơm cấp I - 75 kW	cái	1	1.100.000	1.100.000	
10	Đầu dò đo pH (nước thô và nước xử lý)	cái	1	22.000.000	22.000.000	
11	Đầu dò đo clo dư (nước xử lý) NMN Sơn Đông	cái	1	22.000.000	22.000.000	
III	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHÚ TÂN**				**20.000.000**	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
1	Đắp cốt bơm+ đóng sơ mi bạc đạn máy bơm 75KW - Trạm bơm cấp I	Cái	1	20.000.000	20.000.000	
IV	**PHÒNG CHỐNG THẤT THOÁT NƯỚC**				**10.000.000**	
1	Ghế ngồi văn phòng	Cái	4	1.000.000	4.000.000	
2	Bàn làm việc	Cái	2	3.000.000	6.000.000	
V	**PHÒNG KẾ HOẠCH - TỔNG HỢP**				**221.800.000**	
1	Bảo dưỡng định kỳ, kiểm định, thay vỏ, thay bình, bảo hiểm xe, sửa chữa nhỏ (xe 71A-055.01)	lần	1	24.300.000	24.300.000	
2	Bảo dưỡng định kỳ, kiểm định, thay vỏ, thay bình, bảo hiểm xe, sửa chữa nhỏ (xe 71A-022.32)	lần	1	57.300.000	57.300.000	
3	Bảo dưỡng định kỳ, kiểm định, thay vỏ, thay bình, bảo hiểm xe, sửa chữa nhỏ (xe 71C-039.21)	lần	1	27.100.000	27.100.000	
4	Bảo dưỡng định kỳ, kiểm định, thay vỏ, thay bình, bảo hiểm xe, sửa chữa nhỏ (xe 71C-041.46)	lần	1	32.100.000	32.100.000	
5	Bảo dưỡng định kỳ, kiểm định, thay vỏ, thay bình, bảo hiểm xe, sửa chữa nhỏ (xe 71C-041.88)-sử dụng đến hết năm 2024	lần	1	51.000.000	51.000.000	
6	Bảo dưỡng định kỳ, kiểm định, thay vỏ, thay bình, bảo hiểm xe, sửa chữa nhỏ (xe 71C-041.52)-sử dụng đến hết năm 2024	lần	1	30.000.000	30.000.000	
VI	**CHI NHÁNH MỎ CÀY**				**115.000.000**	
1	Sửa chữa tụ bù 100 kVA - CN Mỏ Cày			25.000.000	25.000.000	
2	Lắp đặt hệ thống châm Clo - CN Mỏ Cày			90.000.000	90.000.000	
F	**MUA SẮM DỤNG CỤ, THIẾT BỊ, MÁY MÓC PHỤC VỤ THI CÔNG**				**517.546.000**	
I	**PHÒNG KINH DOANH**				**10.963.000**	
1	Mỏ lếch răng 14 inch	Cái	8	150.000	1.200.000	
2	Mỏ lếch răng 12 inch	Cái	8	180.000	1.440.000	
3	Búa + cán loại 1 kg	Cái	8	45.000	360.000	
4	Đục vít bake + dẹp	Cái	8	70.000	560.000	
5	Cần cưa Inox	Cái	8	70.000	560.000	
6	Lưỡi cưa sắt (2 mặt)	Cái	16	8.000	128.000	
7	Kiềm	Cái	8	85.000	680.000	
8	Thước dây 30m	Cái	5	75.000	375.000	
9	Kiềm bấm chì	Cái	5	300.000	1.500.000	
10	Kéo cắt ống HDPE	Cái	8	250.000	2.000.000	
11	Giỏ xách đựng đồ nghề	Cái	8	220.000	1.760.000	
12	Đục dẹp + nhọn	Cái	16	25.000	400.000	
II	**NMN SƠN ĐÔNG**				**4.210.000**	
1	Gờ lê (từ nhỏ tới lớn) (8mm-17mm)	bộ	1	500.000	500.000	
2	Mỏ lếch răng 14 inch	Cái	2	150.000	300.000	
3	Mỏ lếch miệng 12 inch	Cái	2	180.000	360.000	
4	Trục vít dẹp các loại	bộ	1	260.000	260.000	
5	Trục vít bake các loại	bộ	1	260.000	260.000	
6	Kiềm điện các loại	cây	3	70.000	210.000	
7	Cảo bạc đạn	cái	1	320.000	320.000	
8	Máy bơm dầu 0,5kw	cái	1	2.000.000	2.000.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
III	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC MỎ CÀY**				**1.780.000**	
1	Len đào đất	Cái	3	60.000	180.000	
2	Đèn pin sạt loại nhỏ (cầm tay)	Cái	4	70.000	280.000	
3	Giỏ xách đựng đồ nghề	Cái	6	220.000	1.320.000	
IV	**NMN AN HIỆP**				**1.890.000**	
1	Gờ lê (từ nhỏ tới lớn) (8mm-17mm)	bộ	1	500.000	500.000	
2	Mỏ lếch răng 14 inch	Cái	2	150.000	300.000	
3	Mỏ lếch miệng 12 inch	Cái	2	180.000	360.000	
4	Trục vít dẹp các loại	bộ	1	260.000	260.000	
5	Trục vít bake các loại	bộ	1	260.000	260.000	
6	Kềm điện các loại	cây	3	70.000	210.000	
V	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHÚ TÂN**				**530.000**	
1	Mỏ lếch răng 18 inch	Cái	1	200.000	200.000	
2	Mỏ lếch răng 14 inch	Cái	1	150.000	150.000	
3	Mỏ lếch miệng 12 inch	Cái	1	180.000	180.000	
VI	**PHÒNG CHỐNG THẤT THOÁT NƯỚC**				**17.120.000**	
1	Mỏ lếch răng 14 inch	Cái	4	150.000	600.000	
2	Mỏ lếch miệng 12 inch	Cái	4	180.000	720.000	
3	Trục vít bake + giẹp	Cái	4	70.000	280.000	
4	Đục dẹp + nhọn	Cái	4	25.000	100.000	
5	Bao tay vải	Đôi	20	150.000	3.000.000	
6	Bao tay nhựa	Đôi	10	20.000	200.000	
7	Sứa cắt ống inox	Cái	5	200.000	1.000.000	
8	Kềm	Cái	4	70.000	280.000	
9	Lưỡi liềm	Cái	5	40.000	200.000	
10	Lưỡi cưa sắt (hai mặt)	Cái	10	8.000	80.000	
11	Sạc điện thoại	Bộ	4	100.000	400.000	
12	Sạc dự phòng	Bộ	2	500.000	1.000.000	
13	Tai nghe	Bộ	4	250.000	1.000.000	
14	Giỏ xách đựng đồ nghề	Cái	6	220.000	1.320.000	
15	Thùng nhựa 20 lít	Cái	6	30.000	180.000	
16	Đèn pin sạc loại nhỏ	Cái	10	80.000	800.000	
17	Bay hồ	Cái	6	50.000	300.000	
18	Ủng bảo hộ	Cái	6	60.000	360.000	
19	Kéo cắt ống HDPE	Cái	4	250.000	1.000.000	
20	Xà beng loại trung	Cái	4	200.000	800.000	
21	Cờ lê (8mm - 17mm)	Bộ	2	500.000	1.000.000	
22	Máy khoan cầm tay Bosch, loại dùng pin	Bộ	1	2.500.000	2.500.000	
VII	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC GIỒNG TRÔM**				**38.380.000**	
1	Giỏ xách đựng đồ nghề	cái	12	220.000	2.640.000	
2	Thùng nhựa 20 lít	cái	12	30.000	360.000	
3	Máy bắn bê tông (lớn) - 30mm	cái	1	11.800.000	11.800.000	
4	Dao khoan ống PVC D60	cái	10	80.000	800.000	
5	Kéo cắt ống HDPE	cái	10	250.000	2.500.000	
6	Mỏ lếch miệng 300mm	cái	12	180.000	2.160.000	
7	Mỏ lếch răng 18"	cái	12	200.000	2.400.000	
8	Khóa miệng 19mm	cái	8	55.000	440.000	
9	Khóa miệng 24mm	cái	8	70.000	560.000	
10	Khóa miệng 27mm	cái	8	80.000	640.000	
11	Khóa miệng 30mm	cái	8	120.000	960.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
12	Bộ cưa sắt	bộ	8	70.000	560.000	
13	Lưỡi cưa	cái	40	8.000	320.000	
14	Xà Ben	cái	4	250.000	1.000.000	
15	Sứa cắt ống	cái	10	170.000	1.700.000	
16	Len đào đất	cái	20	55.000	1.100.000	
17	Cán tra len	cái	20	20.000	400.000	
18	Khóa miệng 22mm	cái	8	60.000	480.000	
19	Khóa điếu 17mm	cái	10	70.000	700.000	
20	Khóa điếu 14mm	cái	10	60.000	600.000	
21	Khóa điếu 13mm	cái	10	55.000	550.000	
22	Búa	cái	8	45.000	360.000	
23	Đục sắt	cái	8	25.000	200.000	
24	Bay làm hố	cái	8	50.000	400.000	
25	Kiềm bấm	cái	8	350.000	2.800.000	
26	Thước dây 30m	cái	2	75.000	150.000	
27	Máy cắt cầm tay	cái	1	1.800.000	1.800.000	
VIII	**NHÀ MÁY LƯƠNG QUỚI**				**11.035.000**	
1	Pa lăng loại 1 tấn	Cái	1	1.200.000	1.200.000	
2	Máy hàn điện tử	Cái	1	4.000.000	4.000.000	
3	Máy cắt cầm tay	Cái	1	1.800.000	1.800.000	
4	Đĩa cắt	Cái	10	30.000	300.000	
5	Đĩa mài	Cái	5	32.000	160.000	
6	Kiềm bấm	Cái	2	320.000	640.000	
7	Mỏ lếch răng 14 inch	Cái	1	150.000	150.000	
8	Mỏ lếch răng 12 inch	Cái	1	135.000	135.000	
9	Búa tay loại 1kg	Cái	1	45.000	45.000	
10	Mỏ lếch miệng 12 inch	Cái	1	180.000	180.000	
11	Khóa 30	Cái	4	120.000	480.000	
12	Khóa 27	Cái	4	80.000	320.000	
13	Khóa 24	Cái	4	70.000	280.000	
14	Kiềm cắt điện	Cái	1	70.000	70.000	
15	Que hàn điện	Kg	5	27.000	135.000	
16	Vít 3 ke	Cây	2	70.000	140.000	
17	Ống mũ dẻo	Mét	50	20.000	1.000.000	
IX	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC CHỢ LÁCH**				**9.158.000**	
1	Mỏ lếch răng 18 inch	Cái	1	200.000	200.000	
2	Mỏ lếch răng 14 inch	Cái	4	150.000	600.000	
3	Mỏ lếch miệng 12 inch	Cái	2	180.000	360.000	
4	Kiềm bấm chì	cái	2	350.000	700.000	
5	Dây đồng	kg	2	320.000	640.000	
6	Chì	kg	6	110.000	660.000	
7	Búa + cán loại 2kg	cái	2	70.000	140.000	
8	Len + cán (trộn hồ)	cái	3	55.000	165.000	
9	Len đào đất (gia công)	cái	2	150.000	300.000	
10	Cuốc + cán	cái	3	75.000	225.000	
11	Cần cưa inox	cái	2	70.000	140.000	
12	Lưỡi cưa sắt (hai mặt)	cái	20	8.000	160.000	
13	Sứa inox cắt ống	cái	1	220.000	220.000	
14	Sứa sắt cắt ống lớn	cái	1	170.000	170.000	
15	Kềm tay	cái	2	70.000	140.000	
16	Kềm bấm răng	cái	2	350.000	700.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
17	Đục nhọn	cây	2	25.000	50.000	
18	Đĩa cắt sắt 120	cái	4	22.000	88.000	
19	Đĩa cắt bê tông 1,2	cái	2	130.000	260.000	
20	Trục vít dẹp	cái	1	70.000	70.000	
21	Trục vít bake	cái	1	70.000	70.000	
22	Kéo cắt ống	cái	4	250.000	1.000.000	
23	Giỏ xách đựng đồ nghề	cái	5	220.000	1.100.000	
24	Thùng nhựa 20 lít	cái	2	30.000	60.000	
25	Xô đựng hồ (bằng nhựa)	cái	4	40.000	160.000	
26	Nhớt hộp 1 lít	Hộp	4	95.000	380.000	
27	Ống nhựa dẻo D27 (tưới cây và xịt bể)	mét	20	20.000	400.000	
X	**XÍ NGHIỆP XÂY LẮP**				**65.970.000**	
1	Mỏ lết răng 18 inch	Cái	4	200.000	800.000	
2	Mỏ lết răng 14 inch	Cái	4	150.000	600.000	
3	Mỏ lết miệng 12 inch	Cái	4	180.000	720.000	
4	Kéo cắt ống HDPE D63	Cái	2	250.000	500.000	
5	Mũi bắn bê tông nhỏ	Cái	2	250.000	500.000	
6	Mũi bắn bê tông lớn	Cái	6	380.000	2.280.000	
7	Máy cắt bê tông nhỏ	Cái	2	1.200.000	2.400.000	
8	Máy khoan bê tông nhỏ	Cái	2	1.800.000	3.600.000	
9	Dây điện máy cắt + máy bắn bê tông	Mét	150	20.000	3.000.000	
10	Máy bắn bê tông loại lớn	Cái	2	11.800.000	23.600.000	
11	Máy phát điện (diezen) 5.5 KVA	Cái	1	15.000.000	15.000.000	
12	Khóa 24 mm	Cái	10	70.000	700.000	
13	Khóa 27 mm	Cái	10	80.000	800.000	
14	Khóa 30 mm	Cái	10	120.000	1.200.000	
15	Khóa 36 mm	Cái	10	170.000	1.700.000	
16	Kiềm bấm	Cái	4	330.000	1.320.000	
17	Máy đo góc lazer	Cái	1	2.000.000	2.000.000	
18	Máy cưa cây	Cái	1	2.750.000	2.750.000	
19	Máy khoan cầm tay Bosch, loại dùng pin	Bộ	1	2.500.000	2.500.000	
XI	**ĐỘI QUẢN LÝ MẠNG VÀ SỬA CHỮA**				**356.510.000**	
1	Cuốc + cán	bộ	20	75.000	1.500.000	
2	Len + cán	bộ	50	55.000	2.750.000	
3	Len + cán (trộn hồ)	bộ	20	150.000	3.000.000	
4	Xà ben lục giác (hoặc tròn)	cây	20	250.000	5.000.000	
5	Xà ben gân D30	cây	5	250.000	1.250.000	
6	Búa + cán (loại 1kg)	cây	20	45.000	900.000	
7	Búa + cán (loại 2kg)	cây	10	80.000	800.000	
8	Búa + cán (loại 5kg)	cây	5	150.000	750.000	
9	Bay	cái	40	50.000	2.000.000	
10	Bàn chà	cái	10	55.000	550.000	
11	Xô xách hồ	cái	30	45.000	1.350.000	
12	Thùng bê	cái	10	35.000	350.000	
13	Sứa cắt ống	cái	20	170.000	3.400.000	
14	Cần cưa sắt	cái	20	70.000	1.400.000	
15	Lưỡi cắt sắt	lưỡi	300	8.000	2.400.000	
16	Đục dẹp	cái	20	25.000	500.000	
17	Đục nhọn	cái	20	25.000	500.000	
18	Lưỡi cắt sắt (loại 180mm)	lưỡi	30	30.000	900.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
19	Lưỡi cắt bê tông (loại 180mm)	lưỡi	20	180.000	3.600.000	
20	Lưỡi cắt sắt (loại 100mm)	lưỡi	50	22.000	1.100.000	
21	Lưỡi cắt bê tông (loại 100mm)	lưỡi	20	120.000	2.400.000	
22	Lưỡi cắt sắt (loại 120mm)	lưỡi	50	24.000	1.200.000	
23	Lưỡi cắt bê tông (loại 120mm)	lưỡi	20	140.000	2.800.000	
24	Mũi bắn bêtông (máy nhỏ)	mũi	20	250.000	5.000.000	
25	Mũi bắn bêtông (máy lớn)	mũi	20	380.000	7.600.000	
26	Mỏ lết răng (loại 18 inch)	cái	10	200.000	2.000.000	
27	Mỏ lết răng (loại 14 inch)	cái	10	150.000	1.500.000	
28	Mỏ lết miệng (loại 12 inch)	cái	20	180.000	3.600.000	
29	Kiềm	cái	20	85.000	1.700.000	
30	Kiềm bấm chì	cái	20	350.000	7.000.000	
31	Kéo cắt ống HDPE	cái	20	250.000	5.000.000	
32	Khóa 30x30 (vòng + miệng)	cái	20	120.000	2.400.000	
33	Khóa 27x27 (vòng + miệng)	cái	20	80.000	1.600.000	
34	Khóa 24x24 (vòng + miệng)	cái	20	70.000	1.400.000	
35	Trục vít (dẹp)	cái	10	70.000	700.000	
36	Trục vít (ba ke)	cái	10	70.000	700.000	
37	Thước (loại 7 mét)	cái	20	40.000	800.000	
38	Thước (loại 30 mét)	cái	3	85.000	255.000	
39	Giỏ xách đựng đồ nghề	cái	20	220.000	4.400.000	
40	Núm báo hiệu giao thông	cái	10	330.000	3.300.000	
41	Bảng (báo hiệu giao thông phản quang) gia công	tấm	6	6.000.000	36.000.000	
42	Dao khoan ống PVC 60 (gia công)	cây	50	80.000	4.000.000	
43	Đèn sạc (loại lớn)	cái	6	450.000	2.700.000	
44	Dao vuốt ống HDPE	cái	20	200.000	4.000.000	
45	Ống máy bơm nước D90	mét	100	30.000	3.000.000	
46	Dây điện (máy cắt + máy bắn bê tông)	mét	120	20.000	2.400.000	
47	Đèn sạc đeo tráng	cái	6	300.000	1.800.000	
48	Khóa tê 14	cái	20	65.000	1.300.000	
49	Khóa tê 13	cái	20	60.000	1.200.000	
50	Dao chét	cây	5	120.000	600.000	
51	Búa chặt	cây	5	70.000	350.000	
52	Kính bảo hộ	cái	10	15.000	150.000	
53	Bao tay cách điện	bộ	10	25.000	250.000	
54	Bao tay nhựa	bộ	20	20.000	400.000	
55	Giày cách điện	đôi	5	25.000	125.000	
56	Ủng nhựa	đôi	10	65.000	650.000	
57	Tấm thép chắn 1,0x1,5x0,05 mm	tấm	10	1.648.000	16.480.000	
58	Máy cắt bê tông (120 mm)	cái	2	1.200.000	2.400.000	
59	Máy đục bê tông 30ly	cái	4	11.800.000	47.200.000	
60	Máy đục bê tông 17ly	cái	2	7.000.000	14.000.000	
61	Xe đẩy	Chiếc	2	700.000	1.400.000	
62	Máy bơm láp	Cái	2	9.000.000	18.000.000	
63	Đầm tay + cản	Cây	5	500.000	2.500.000	
64	Thép U-L=3m/cây - U160x6mm	Cây	10	1.275.000	12.750.000	
65	Máy bơm lớn	Cái	1	7.500.000	7.500.000	
66	Máy cắt bê tông (180mm)	Cái	2	2.750.000	5.500.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
67	Máy siết bu lông dùng pin (Makita) (moden: DTV 100 1RTJ)	Bộ	2	5.800.000	11.600.000	
68	Máy cắt cầm tay dùng pin	Bộ	2	6.900.000	13.800.000	
69	Máy đầm cóc	Cái	2	19.500.000	39.000.000	
70	Bộ đầu tuýp và cần siết xuyên tâm (tự động)	Bộ	2	1.000.000	2.000.000	
71	Thùng nhựa 20 lít	Cái	20	30.000	600.000	
72	Máy cắt bê tông (chạy xăng)	Cái	1	13.500.000	13.500.000	
G	MUA SẮM THIẾT BỊ VĂN PHÒNG, PHẦN MỀM QUẢN LÝ				701.400.000	
I	**Phòng Tổng giám đốc**				**25.000.000**	
1	Laptop Dell Latitude 3420 core i5-1135G7, Ram:8GB,SSD: 256, HDD:1TB, LCD 15,6 "	Bộ	1	25.000.000	25.000.000	
II	**Phòng Phó Tổng GĐ (Trần T Bình)**				**25.000.000**	
1	Laptop Dell Latitude 3420 core i5-1135G7,	Bộ	1	25.000.000	25.000.000	
III	**Phòng Kinh doanh**				**54.000.000**	
1	Máy tính Dell Vostro 3888 core i5,	Bộ	2	23.000.000	46.000.000	
2	Máy in 2 mặt tự động	bộ	1	8.000.000	8.000.000	
IV	**Phòng Kỹ thuật**				**23.000.000**	
1	Máy tính Dell Vostro 3888 core i5, Ram:8GB ,SSD: 256 GB, HDD:1TB, LCD Dell 19.5 inch	Bộ	1	23.000.000	23.000.000	
V	**Xí nghiệp TVXD**				**23.000.000**	
1	Máy tính Dell Vostro 3888 core i5, Ram:8GB ,SSD: 256 GB, HDD:1TB, LCD Dell 19.5 inch	Bộ	1	23.000.000	23.000.000	
VI	**Phòng chống thất thoát nước**				**26.000.000**	
1	Máy tính Dell Vostro 3888 core i5, Ram:8GB ,SSD: 256GB, HDD:1TB, LCD Dell 19.5 inch	Bộ	1	23.000.000	23.000.000	
2	Ổ cứng lưu trữ dữ liệu: ổ cứng HDD 2TB	cái	1	3.000.000	3.000.000	
VII	**Đội QL Mạng và SC**				**8.000.000**	
1	Máy in 2 mặt tự động	cái	1	8.000.000	8.000.000	
VIII	**NMN An Hiệp**				**900.000**	
1	Quạt đứng	cái	2	450.000	900.000	
IX	**Chi nhánh CN Giồng Trôm**				**85.000.000**	
1	Máy in mạng 2 mặt	cái	2	8.000.000	16.000.000	
2	Máy tính Dell Vostro 3888 core i5, Ram:8GB ,SSD: 256GB, HDD:1TB, LCD Dell 19.5 inch	Bộ	3	23.000.000	69.000.000	
X	**Phòng Tổ chức hành chính**				**408.500.000**	
1	Phần mềm Microsoft office 365	bộ	10	2.800.000	28.000.000	
2	Phần mềm Windows 10 Pro	máy	19	5.000.000	95.000.000	
3	Phần mềm diệt virus Kaspersky Endpoint	máy	100	510.000	51.000.000	
4	Phần mềm Autocad LT2022	máy	5	8.500.000	42.500.000	
5	Nâng cấp ổ cứng SSD 240 GB	cái	20	1.300.000	26.000.000	
6	Nâng cấp DDRam 4 GB	cây	20	800.000	16.000.000	
7	Máy in nhiệt cầm tay Bill dataprint KP-B50 dành cho thu ngân công ty	cái	30	5.000.000	150.000.000	
XI	**Chi nhánh Chợ Lách**				**23.000.000**	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
1	Máy tính Dell Vostro 3888 core i5, Ram:8GB ,SSD: 256GB, HDD:1TB, LCD Dell 19.5 inch	Bộ	1	23.000.000	23.000.000	
II	DỤNG CỤ, HÓA CHẤT HỖ TRỢ CÔNG TÁC KIỂM NGHIỆM				910.960.100	
I	**Kiểm nghiệm mẫu nước của các nhà máy**				**557.268.000**	
1	Kiểm tra mẫu nước tháng (1 lần/tháng)	lần	12	8.064.000	96.768.000	
2	Kiểm tra mẫu nước định kỳ (B) (2 lần/năm)	lần	2	204.750.000	409.500.000	
3	Kiểm tra mẫu nước thô định kỳ (1 lần/Quý)	lần	4	12.750.000	51.000.000	
II	**NMN SƠN ĐÔNG**				**96.564.600**	
1	Máy đo PH	bộ	1	21.000.000	21.000.000	
2	Bếp hồng ngoại	Cái	1	1.500.000	1.500.000	
3	Gía đỡ pipet	Cái	3	209.000	627.000	
4	Tủ mát bảo quản mẫu	cái	1	6.270.000	6.270.000	
5	Bút đo tổng chất rắn hòa tan	cái	1	2.500.000	2.500.000	
6	Bộ máy quang đo sắt	cái	1	10.560.000	10.560.000	
7	Ống đong 50 ml (Nhật)(bầu)	cái	1	200.000	200.000	
8	Hiệu chuẩn cân	cái	1	500.000	500.000	
9	Thuốc thử clo dư HI93701-0 Hanna	gói	100	6.600	660.000	
10	$AgNO_3$	gr	300	100.000	30.000.000	
11	NH_3	Lít	1	3.800.000	3.800.000	
12	Cồn 95^0 (Ethyl Acool)	Lít	1	1.050.000	1.050.000	
13	NH_4OH đậm đặc	Lít	1	3.800.000	3.800.000	
14	Eriochrome Black T (EBT)	gr	25	44.000	1.100.000	
15	NaCl	gr	500	1.100	550.000	
16	NaOH	gr	500	700	350.000	
17	K_2CrO_4	gr	250	5.080	1.270.000	
18	$H_2C_2O_4.2H_2O$	gr	100	8.000	800.000	
19	$KMnO_4$	gr	250	5.000	1.250.000	
20	KSCN	gr	250	5.520	1.380.000	
21	$Fe(NH_4)_2.(SO_4).6H_2O$	gr	250	3.400	850.000	
22	Ống nhỏ giọt	cây	5	25.000	125.000	
23	Cọ rửa 0,8 cm	cây	2	16.500	33.000	
24	Cọ rửa 0,5cm	Cây	3	13.200	39.600	
25	Qủa bóp cao su	Cái	2	25.000	50.000	
26	Pin Energizerr 1,5V	Cục	124	30.000	3.720.000	
27	Pin Energizerr 9V	Cục	8	50.000	400.000	
28	Giỏ đựng mẫu	Cái	1	390.000	390.000	
29	Khẩu trang y tế	Hộp	3	50.000	150.000	
30	Bao tay y tế	đôi	120	10.000	1.200.000	
31	Bình lấy mẫu nước (1L+2L)	Bình	20	10.000	200.000	
32	Áo mưa	Cái	1	140.000	140.000	
33	Dép nhựa	Đôi	1	100.000	100.000	
III	**NMN AN HIỆP**				**104.901.500**	
1	Máy đo màu	bộ	1	11.000.000	11.000.000	
2	Dung dịch chuẩn pH 7,4,10	bộ	1	1.200.000	1.200.000	
3	Thuốc thử Clo dư	gói	200	6.600	1.320.000	
4	Thuốc thử Sắt	gói	100	6.000	600.000	
5	Dung dịch Chuẩn Sắt	bộ	1	4.000.000	4.000.000	
6	Dung dịch chuẩn Clo dư	bộ	1	4.000.000	4.000.000	
7	Dung dịch chuẩn độ đục	bộ	1	6.450.000	6.450.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
8	Bếp hồng ngoại	cái	1	1.500.000	1.500.000	
9	Hiệu chuẩn cân phân tích	lần	1	500.000	500.000	
10	Hạt hút ẩm silica	kg	3	120.000	360.000	
11	Bóp cao su 3 van	cái	2	250.000	500.000	
12	Bình tia đựng nước cất	bình	1	75.000	75.000	
13	Cọ chùi rửa	cây	3	16.500	49.500	
14	Ống nhỏ giọt	cái	2	25.000	50.000	
15	Bình định mức 1000ml	bình	2	490.000	980.000	
16	Bình định mức 500ml	bình	2	325.000	650.000	
17	Bình định mức 100ml	bình	2	240.000	480.000	
18	Bình định mức 50ml	bình	2	215.000	430.000	
19	Cốc thủy tinh 600ml	cốc	3	75.000	225.000	
20	Cốc thủy tinh 250ml	cốc	2	57.000	114.000	
21	Bình tam giác 100ml	bình	5	610.000	3.050.000	
22	Bình tam giác 250ml	bình	3	700.000	2.100.000	
23	Chai thủy tinh nâu 1000ml	chai	5	710.000	3.550.000	
24	Chai thủy tinh nâu 500ml	chai	5	513.000	2.565.000	
25	Chai thủy tinh nâu 100ml	chai	5	300.000	1.500.000	
26	Pipet vạch 10ml	cây	3	87.000	261.000	
27	Pipet vạch 5ml	cây	3	87.000	261.000	
28	Pipet vạch 2ml	cây	3	87.000	261.000	
29	EDTA	gam	500	8.080	4.040.000	
30	Ammonium chloride NH4Cl	gam	500	1.700	850.000	
31	Ammonium hydroxide NH4OH đậm đặc	lít	3	3.800.000	11.400.000	
32	Muối Magnessium của ETDA	gam	100	23.000	2.300.000	
33	Eriochrome black T (EBT)	gam	25	44.000	1.100.000	
34	Sodium chloride NaCl	gam	500	1.100	550.000	
35	Natri hydroxide NaOH	gam	500	700	350.000	
36	Bạc nitrat AgNO3	gam	200	100.000	20.000.000	
37	Potassium chromate K2Cr2O4	gam	250	5.080	1.270.000	
38	Acid sulfuric đậm đặc H2SO4	lít	2	650.000	1.300.000	
39	Acid oxalic H2C2O4.2H2O	gam	100	8.000	800.000	
40	Potassium permanganat KMnO4	gam	250	5.000	1.250.000	
41	Bộ cối chày nghiền hóa chất	bộ	1	300.000	300.000	
42	Pin Energizer	cặp	30	30.000	900.000	
43	Bao tay cao su	cặp	50	10.000	500.000	
44	Kẹp gắp inox	cái	2	40.000	80.000	
45	Muỗng inox 2 đầu	cái	5	20.000	100.000	
46	Giá phơi dụng cụ	cái	1	2.500.000	2.500.000	
47	Phễu lọc	cái	2	1.000.000	2.000.000	
48	Buret nâu 25ml	cây	2	2.640.000	5.280.000	
IV	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHÚ TÂN**				**92.684.000**	
1	Bình pha hóa chất cổ cao 50ml (Đức)	Bình	3	215.000	645.000	
2	Quả bóp cao su Flip (hoặc quả bóp 3 van)	Cái	2	190.000	380.000	
3	Ống hút nhỏ giọt (Đức)	Cái	10	25.000	250.000	
4	Pipet vạch 5ml (Đức)	Cái	5	87.000	435.000	
5	Bình hút ẩm bằng thủy tinh (Đức)	Bình	1	6.100.000	6.100.000	
6	Thuốc thử đo clo dư tự do (HANNA)	Hộp	3	660.000	1.980.000	
7	Thuốc thử đo sắt tổng (HANNA)	Hộp	2	572.000	1.144.000	
8	Thuốc chuẩn clo dư tự do (HANNA)	Bộ	1	4.000.000	4.000.000	
9	Thuốc chuẩn độ đục (HANNA)	Bộ	1	2.750.000	2.750.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
10	Thuốc chuẩn pH (HANNA)	Bộ	1	1.200.000	1.200.000	
11	Máy so màu (HANNA)	Cái	1	11.000.000	11.000.000	
12	Bút đo mặn	cây	1	2.500.000	2.500.000	
13	Pin Energizer	Hộp	2	30.000	60.000	
14	Găng tay y tế (hộp 50 đôi)	Hộp	3	500.000	1.500.000	
15	Bộ cối + chày nghiền hóa chất	Bộ	1	300.000	300.000	
16	Bạc Nitrat ($AgNO_3$) (Đức) 100g	Hộp	3	10.000.000	30.000.000	
17	K_2CrO_4 (Đức) 250g	Hộp	1	1.270.000	1.270.000	
18	NH_4Cl (Đức) 500g	Hộp	1	850.000	850.000	
19	NH_4OH (Đức) 1 lít	Chai	3	3.800.000	11.400.000	
20	Muối Magnesium của EDTA (Đức) 100g	Hộp	1	2.300.000	2.300.000	
21	EBT (Đức) 25g	Hộp	1	1.100.000	1.100.000	
22	NaCl sấy khô (Đức) 500g	Hộp	1	550.000	550.000	
23	EDTA (Đức) 500g	Hộp	1	4.040.000	4.040.000	
24	H_2SO_4 đậm đặc (Đức) 1lit	Chai	2	650.000	1.300.000	
25	Acid Oxalic (Đức) 100g	Hộp	1	800.000	800.000	
26	$KMnO_4$ (Đức) 250g	Hộp	1	1.250.000	1.250.000	
27	NaOH (Đức) 500g	Hộp	1	700.000	700.000	
28	Hạt hút ẩm	kỷ	2	120.000	240.000	
29	Kẹp gắp inox	Cái	1	40.000	40.000	
30	Giá phơi dụng cụ thí nghiệm	Cái	1	2.500.000	2.500.000	
31	Muỗng inox 2 đầu	Cái	5	20.000	100.000	
V	**CHI NHÁNH CẤP NƯỚC GIỒNG TRÔM**				**58.642.000**	
1	Máy đo Clo dư Hanna (Mỹ)	Bộ	1	11.000.000	11.000.000	
2	Thuốc chuẩn Clo tự do	Bộ	1	4.000.000	4.000.000	
3	Thuốc đo Clo dư tự do	Hộp	2	660.000	1.320.000	
4	Thuốc chuẩn sắt tổng Hanna (Mỹ)	Bộ	1	4.000.000	4.000.000	
5	Thuốc đo sắt tổng	Hộp	1	572.000	572.000	
6	Bút đo TDS	Bộ	1	2.500.000	2.500.000	
7	Dung dịch chuẩn máy đo pH Hach	Bộ	1	2.750.000	2.750.000	
8	Pin Energer 1,5v	Cặp	25	30.000	750.000	
9	Thùng nhựa 1 lít	Cái	40	5.000	200.000	
10	Thùng nhựa 2 lít	Cái	10	10.000	100.000	
11	Muỗng inox dài 2 đầu	Cái	5	20.000	100.000	
12	Bao tay y tế loại dày	Hộp	2	500.000	1.000.000	
13	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	12	60.000	720.000	
14	Hạt hút ẩm silica trong bình hút ẩm	Kg	3	120.000	360.000	
15	Bình định mức 50ml	Cái	2	215.000	430.000	
16	Axit sunfuric 98% (H_2SO_4 đậm đặc) (Đức)	Lít	1	650.000	650.000	
17	Axit oxalic (Đức)	Gram	250	8.000	2.000.000	
18	Natri Clorua (NaCl)	Gram	250	1.100	275.000	
19	Eriochrom Black T (EBT)	Gram	25	44.000	1.100.000	
20	NH_4Cl (Đức)	Gram	250	1.700	425.000	
21	Natri Hydroxit (NaOH) (Đức)	Gram	100	700	70.000	
22	EDTA (Đức)	Gram	250	8.080	2.020.000	
23	Muối Magnesium của EDTA (Đức)	Gram	100	23.000	2.300.000	
24	Bạc Nitrat ($AGNO_3$) (Đức)	Gram	200	100.000	20.000.000	
I	**MUA SẮM, SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**				**7.374.705.196**	
1	Máy khuấy Jartest - NMN Lương Quới	Bộ	1	45.000.000	45.000.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
2	Máy đo pH Hach - NMN Lương Quới	Bộ	1	31.000.000	31.000.000	
3	Máy đo độ đục - NMN An Hiệp	bộ	1	39.800.000	39.800.000	
4	Xe tải có cẩu HINO tải trọng 4,99 tấn (gắn cẩu 3 tấn) - Phòng KH-TH	xe	1	1.680.000.000	1.680.000.000	
5	Thiết bị dò tìm rò rỉ dạng test nhanh, MODEL: AQUA M40D; Nhà sản xuất: FAST, Đức - Phòng CTTN	Cái	2	55.000.000	110.000.000	
6	Cánh bơm - máy bơm số 1 Trạm bơm cấp I-75 kW - NMN Sơn Đông	cái	1	68.804.000	68.804.000	
7	Vòng chống ăn mòn - máy bơm số 1 trạm bơm cấp I- 75 kW - NMN Sơn Đông	cái	1	36.153.000	36.153.000	
8	Phốt, bạc đạn - máy bơm số 1 Trạm bơm cấp I - 75 kW - NMN Sơn Đông	cái	1	73.954.000	73.954.000	
9	Khởi động mềm 86A (200-525V) - 45 kW - NMN Sơn Đông	cái	1	30.500.000	30.500.000	
10	Khởi động mềm 108A (200-525V) - 55 kW-NMN Sơn Đông	cái	1	36.800.000	36.800.000	
[illegible]	Cánh máy bơm 110 kW - Trạm Cái Cỏ	cái	1	252.802.300	252.802.300	
[illegible]	Phớt cơ khí số 1 - máy bơm 110 kW - Trạm	cái	1	40.165.800	40.165.800	
13	Phớt cơ khí số 2 - máy bơm 110 kW - Trạm	cái	1	27.202.900	27.202.900	
14	Cánh máy bơm 250 kW - Trạm Cái Cỏ	cái	2	433.235.900	866.471.800	
15	Phớt cơ khi số 1 - máy bơm 250 kW - Trạm	cái	2	46.406.000	92.812.000	
16	Phớt cơ khi số 2- máy bơm 250 kW - Trạm	cái	2	172.230.800	344.461.600	
17	Sửa chữa máy bơm trạm Cái Cỏ (250 kW)-Trạm Cái Cỏ	Cái	1	270.000.000	270.000.000	
18	Sửa chữa máy bơm trạm Cái Cỏ (110 kW)-Trạm Cái Cỏ	Cái	1	180.000.000	180.000.000	
19	Mua máy bơm trạm cấp I (P=30kw, Q=234 m3/h, H=31,1m) - NMN Lương Quới	Cái	1	277.100.000	277.100.000	
20	Mua máy bơm chìm trạm cấp II (P=22kw, Q=125 m3/h, H=40m) - NMN Lương Quới	Cái	1	197.200.000	197.200.000	
[illegible]	Mua máy bơm chìm (P=15kw, Q=100 m3/h, H=21m) - NMN lương Quới	Cái	1	187.900.000	187.900.000	
22	Bình clo 900 kg - NMN An Hiệp	bình	2	60.000.000	120.000.000	
23	Van bướm điện D300 - NMN Sơn Đông	cái	3	123.000.000	369.000.000	
24	Van bướm D400 - NMN Sơn Đông	Cái	3	41.606.586	124.819.758	
25	Bình clo 900kg - NMN Sơn Đông	bình	2	60.000.000	120.000.000	
26	Thiết bị báo clo xì - NMN Sơn Đông	bộ	1	50.000.000	50.000.000	
27	Thiết bị đđo độ đục (nước thô và nước xử lý)-NMN Sơn Đông	bộ	1	250.000.000	250.000.000	
28	Thiết bị đo pH nước thô - NMN Sơn Đông	bộ	1	125.000.000	125.000.000	
29	Đầu dò đo độ đục (nước thô và nước xử lý)-NMN Sơn Đông	cái	2	100.000.000	200.000.000	
30	Van gang D300 BB - CN Phú Tân	Cái	1	31.201.853	31.201.853	
31	Van gang D400 BB - CN Phú Tân	Cái	1	65.614.185	65.614.185	
32	Van gang D500 BB - CN Phú Tân	Cái	1	140.805.000	140.805.000	
33	Đồng hồ 150 ly - điện từ nguồn pin - Lắp cho các doanh nghiệp	Cái	3	71.879.000	215.637.000	
34	Đồng hồ 100 ly- điện từ nguồn pin - Lắp cho các doanh nghiệp	Cái	5	65.200.000	326.000.000	

STT	Tên tài sản, vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Ghi chú
35	Đồng hồ nước 50 ly - điện từ nguồn pin-Lắp cho các doanh nghiệp	Cái	5	58.700.000	293.500.000	
36	Máy cắt ống gang - XN Xây Lắp	Cái	1	55.000.000	55.000.000	
J	CHI PHÍ ỨNG PHÓ HẠN MẶN VÀ KHẮC PHỤC KHẨN CẤP TRỮ LƯỢNG				12.391.400.000	
1	Thuê và lắp đặt máy bơm dã chiến cầu Thành Triệu	lần	1	300.000.000	300.000.000	
2	Chi phí mua nước ngọt thô cung cấp cho nhà máy nước Lương Quới (tháng 2/2022 cấp 5 ngày)	tháng	1	1.350.000.000	1.350.000.000	
3	Chi phí mua nước ngọt thô cung cấp cho nhà máy nước Lương Quới (từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022 cấp 10 ngày/tháng)	tháng	4	2.280.000.000	9.120.000.000	
4	Thuê 3 trạm quan trắc đo độ mặn	tháng	5	60.000.000	300.000.000	
5	Thuê xe tải chở nước cung cấp cho khu vực Sơn Phú và Phước Long (3 xe/ngày) từ cuối tháng 1-hết tháng 5/2022				1.221.400.000	
	Xe chở 4 bồn 5m3 (2 xe x 3.700.000 đồng/xe)	*ngày*	*124*	*7.400.000*	*917.600.000*	
	Xe chở 2 bồn 5m3 (1 xe x 2.450.000 đồng/xe)	*ngày*	*124*	*2.450.000*	*303.800.000*	
TỔNG CỘNG A+B+C+D+E+F+G+H+I+J					**44.629.287.931**	

Phụ lục II: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022

STT	Tên hạng mục công trình - Quí mô	Kinh phí thẩm phê duyệt chủ trương đầu tư (Tỷ đồng)	Giá trị thực hiện (Đến 31/12/2021)	Thực hiện trong năm 2022 (tỷ đồng)		Thời gian hoàn thành	Hình thức thực hiện	Ghi chú	
				Vốn vay	Vốn DN				
I. Công trình chuyển tiếp từ năm 2021 sang năm 2022									
A	**Khu vực Thành phố Bến Tre và các khu vực lân cận**	**7,553**	**1,863**	**0**	**5,69**				
1	Mạng lưới cấp nước TP.Bến Tre - Đợt 3/2020 - Hạng mục: Bổ sung lắp đặt van chặn, trụ cứu hỏa, van xả khí	2,108	0,082	0	2,026	ĐKHT: 5/2022	Tự thực hiện		
2	Mạng lưới cấp nước TP.Bến Tre - Đợt 4/2020 - Hạng mục: Ống nhánh cấp nước các loại	2,35	1,169	0	1,181	ĐKHT: 5/2022	Tự thực hiện		
3	Cải tạo ống cấp nước đường Nguyễn Văn Tư năm 2020; Hạng mục: ống MPVC D160, HDPE D160 và D63.	2,122	0,517	0	1,605	ĐKHT: 1/2022	Chào hàng cạnh tranh		
4	Cải tạo sảnh chính (Văn phòng Công ty)	0,293	0,084	0	0,709	ĐKHT: 4/2022	Chỉ định thầu		
5	NMN Sơn Đông 2020 - HM: Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và van chặn tuyến ống nước thô trạm bơm cấp 1	0,68	0,011	0	0,669	ĐKHT: 3/2022	Tự thực hiện		
B	**Khu vực Huyện Mỏ Cày Nam và Mỏ Cày Bắc**	**0,703**	**0,211**	**0**	**0,492**				
1	Mạng lưới cấp nước xã Thành An năm 2020 - HM: Ống uPVC D60	0,703	0,211	0	0,492	ĐKHT: 1/2022	Tự thực hiện		
C	**Khu vực Châu Thành**	**2,044**	**0,592**	**0**	**1,452**				
1	NMN Hữu Định năm 2019 - HM: Nâng cấp 1 bơm cấp 2 NMN Hữu Định.	2,044	0,592	0	1,452	ĐKHT: 4/2022	Tự thực hiện		
	Tổng cộng I: (A)+(B)+(C)	**10,3**	**2,666**	**0**	**7,634**				
II. Các công trình khởi công mới năm 2022									
A	**Khu vực Thành phố Bến Tre và các khu vực lân cận**	**40,065**	**2,068**	**18**	**19,997**				

1	Mạng lưới cấp nước TP. Bến Tre – Đợt 1/2021 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại *(Ống HDPE D63 L=3.056 m, Ống uPVC D114 L=1.500 m)*	1,246	0,0008	0	1,2456	DKHT: 5/2022	Tự thực hiện		
2	Mạng lưới cấp nước TP. Bến Tre – Đợt 2/2021 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại *(Ống HDPE D63 L=3.606 m; Ống PVC D114 L=1.300 m)*	1,065	0	0	1,065	DKHT: 5/2022	Chỉ định thầu		
3	Tuyến ống cấp nước dọc Lộ Cầu Nhà Việc - Hạng mục: Ống cấp nước uPVC D168 *(Ống PVC D168 L=2.700 m)*	2,674	0	0	2,674	DKHT: 5/2022	Chào hàng cạnh tranh		
4	Ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu LIA 6 (Phường 8) - Hạng mục: Di dời ống cấp nước các loại *(Ống HDPE D225 L=140 m; Ống HDPE D63 L=8.600 m)*	1,9	0,289	0	1,611	DKHT: 5/2022	Tự thực hiện		
5	Ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu LIA 2 (Phường 6) - Hạng mục: Di dời ống cấp nước các loại *(Ống HDPE D63 L=12.000 m)*	0,773	0,259	0	0,514	DKHT: 5/2022	Tự thực hiện		
6	Đấu nối, sửa chữa cải tạo và di dời mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre năm 2021 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại	1,7	0,221	0	1,479	DKHT: 6/2022	Tự thực hiện		
7	Tuyến ống cấp nước MPVC D400 từ NMN Sơn Đông đến ngã tư Tân Thành	8,56	0,025	5	3,535	DKHT: 12/2022	Đấu thầu rộng rãi		
8	Nâng công suất nhà máy nước Sơn Đông 10.000 m3/ngày đêm	19	0	13	6	DKHT: 12/2022	Đấu thầu rộng rãi		
9	Cải tạo ống cấp nước đường Nguyễn Thị Định – thành phố Bến Tre (năm 2021). Hạng mục: Ống HDPE D250	3,147	1,274	0	1,873	DKHT: 4/2022	Tự thực hiện		
B	**Khu vực Huyện Giồng Trôm**	**7,586**	**0,259**	**2,5**	**4,827**				
1	Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - Đợt 1/2021 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại *(Ống HDPE D225 L= 1.060 m; Ống HDPE D63 L=1.972 m; Ống PVC D114 L=252m)*	1,695	0,851	0	0,844	DKHT: 3/2022	Tự thực hiện		

2	Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - Đợt 2/2021 - Hạng mục: Ống nhánh HDPE D63 khu vực thị trấn Giồng Trôm và trụ cứu hỏa *(Ống HDPE D63 L= 10.000 m; 10 trụ PCCC)*	1,524	0	0	1,524	DKHT: 10/2022	Tự thực hiện		
3	Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - Đợt 2/2021 - Hạng mục: Cấp nước cụm khu công nghiệp Phong Nẫn và vùng lân cận *(Ống HDPE D63 L=3.700 m; Ống PVC D168 L=3.400)*	4,1	0,004	2,5	1,596	DKHT: 6/2022	Tự thực hiện		
4	Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - Đợt 3/2021 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại	1,5	0,255	0	1,245	DKHT: 5/2022	Tự thực hiện		
5	Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - Đợt 5/2021 - Hạng mục: Ống HDPE D125 và HDPE D63	0,462	0	0	0,462	DKHT: 4/2022	Chỉ định thầu		
C	**Khu vực Huyện Chợ Lách**	**4,641**	**0**	**2**	**2,641**				
1	Tuyến ống cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021 - Hạng mục: Ống uPVC D168 và HDPE D63 *(Ống HDPE D63 L=2.100 m; Ống PVC D168 L=3.000 m)*	2,968	0	2	0,968	DKHT: 6/2022	Chào hàng cạnh tranh		
2	Mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại và trụ cứu hỏa *(Ống HDPE D63 L=4.400 m, 10 trụ PCCC)*	1,073	0	0	1,073	DKHT: 5/2022	Chỉ định thầu		
3	Lắp đặt bơm giếng trạm cấp nước Chợ Lách	0,6	0	0	0,6	DKHT: 5/2022	Chỉ định thầu		
D	**Khu vực Huyện Mỏ Cày Nam và Mỏ Cày Bắc**	**11,604**	**0,103**	**2**	**9,501**				
1	Mạng lưới cấp nước Xã Thanh Tân Đợt 1 - Hạng mục Ống HDPE D125 và D63	2,422	0,103	0	2,319	DKHT: 5/2022	Chào hàng cạnh tranh		
2	Chi nhánh cấp nước Mỏ Cày Năm 2021 - Hạng mục: Bồ chứa nước sạch 1000 m3 trạm tăng áp Hàm Luông	7,46	0	2	5,46	DKHT: 3/2022	Đấu thầu rộng rãi		
4	Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Nam Năm 2021 - Hạng mục: Ống nhánh cấp nước các loại *(Ống PVC DN4 L=2.680 m; Ống HDPE D63 L=2.350m)*	1,722	0	0	1,722	DKHT: 6/2022	Chào hàng cạnh tranh		
E	**Khu vực Huyện Châu Thành**	**44,216**	**0,466**	**28**	**15,75**				
1	Cụm xử lý 5.000 m3/ng.đ-NMN Hữu Định	12,905	0,363	9	3,542	DKHT: 12/2022	Đấu thầu rộng rãi		

2	Sửa chữa Nhà làm việc chi nhánh Phú Tân	1,038	0	0	1,038	DKHT: 9/2022	Chỉ định thầu		
3	Sửa chữa trạm bơm cấp 2 và cụm bể xử lý Chi nhánh Phú Tân	0,477	0	0	0,477	DKHT: 4/2022	Chỉ định thầu		
4	Dự án: Tuyến ống cấp nước từ nhà máy nước Hữu Định về KCN Giao Long - Gói thầu số 2	29,796	0,103	19	10,693	DKHT: 12/2022	Đấu thầu rộng rãi		
	Tổng cộng II: (A)+(B)+(C)+(D)+(E)	108,112	2,896	52,3	52,216				

III. Công trình triển khai trong năm 2022

STT	Tên hạng mục công trình - Quy mô	Kinh phí khái toán (Tỷ đồng)	Nguồn vốn (tỷ đồng)		Dự kiến thực hiện năm 2022 (tỷ đồng)		Tiến độ thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Hình thức thực hiện
			Vốn vay	Vốn DN	Vốn vay	Vốn DN			
A	**Khu vực Thành phố Bến Tre và các khu vực lân cận**	**53,925**	**17,5**	**36,133**	**7,5**	**17,333**			
1	Mạng lưới cấp nước Tp.Bến Tre Đợt 1/2022 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại (*Ống HDPE D63 L=8.000m*)	1,2	0	1,2	0	1,2	Tháng 2/2022	DKHT: Tháng 8/2022	Chỉ định thầu
2	Mạng lưới cấp nước Tp.Bến Tre Đợt 2/2022 - Hạng mục: Ống uPVC D168 & HDPE D180 (*Ống uPVC D168 L=3.700m, 9 trụ PCCC*)	3,9	0	3,74	0	3,74	Tháng 3/2022	DKHT: Tháng 9/2022	Tự thực hiện
3	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp MLCN thành phố Bến Tre năm 2022 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại	2	0	2	0	0	Tháng 10/2022	DKHT: Tháng 4/2023	Tự thực hiện
4	Thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa - Hạng mục: Ống cấp nước MPVC D225 (*Ống MPVC D225 L=570m*)	1,2	0	1,218	0	1,218	Tháng 2/2022	DKHT: Tháng 8/2022	Chỉ định thầu
5	Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre và các vùng lân cận năm 2022 - Hạng mục: Lắp đặt trụ PCCC, van chặn và van xả cặn.	1,6	0	1,6	0	0	Tháng 9/2022	DKHT: Tháng 3/2023	Chào hàng cạnh tranh
6	Mạng lưới cấp nước Tp.Bến Tre Đợt 3/2022 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại (*Ống HDPE D63 L=1.500m, Ống uPVC D114 L=2.150m, 3 trụ PCCC*)	1,375	0	1,375	0	1,375	Tháng 4/2022	DKHT: Tháng 10/2022	Tự thực hiện

7	Tuyến ống CN từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre - Hạng mục: Khoan dặt 2 ống HDPE D250 vượt sông (*ống HDPE D250 L=700 mới, Ống uPVC D220 L=300 mới*)	4,7	2,5	2,2	2,5	2,2	Tháng 4/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Chào hàng cạnh tranh
8	Trạm bơm tăng áp Chợt Sậy - Hạng mục: Lắp đặt máybơm P=18,5kW, biến tần và nhà bao che.	1	0	1	0	1	Tháng 2/2022	DKHT: Tháng 8/2022	Tự thực hiện
9	Tuyến ống CN dọc đường Võ Nguyên Giáp - Hạng mục: Ống HDPE D355 từ vòng xoay Tân Thành cống qua QL60 (hẻm chà nghỉ Quang Vinh). (*Ống HDPE D355 L=1.900m, 6 trụ PCCC*)	8,7	5	3,7	5	3,7	Tháng 6/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Đấu thầu rộng rãi
10	Công trình: Cải tạo bể lắng lamen 7.200 m3/ngày NMN Sơn Đông. Hạng mục: Cải tạo 2 ngăn lắng.	18	10	8	0	0	Tháng 12/2022	DKHT: Quý III/2023	Đấu thầu rộng rãi
11	Cải tạo nâng cấp trạm bơm cấp 2 (mới) NMN Sơn Đông - Hạng mục: Lắp 1 máy bơm nước sạch P=160kW + biến tần, van giảm áp và nhà trạm bơm.	3,4	0	3,4	0	0	Tháng 8/2022	DKHT: Tháng 02/2023	Chào hàng cạnh tranh
12	Xây dựng nhà kho và nâng nền nhà xe NMN Sơn Đông năm 2022	0,65	0	0,5	0	0,5	Tháng 3/2022	DKHT: Tháng 6/2022	Chỉ định thầu
13	Hàng rào và lát nền gạch vỉa hè NMN Sơn Đông	1,2	0	1,2	0	1,2	Tháng 4/2022	DKHT: Tháng 8/2022	Chỉ định thầu
14	Công trình: Sửa chữa nhà, sân nền, hàng rào & thoát nước trạm tăng áp Chợt Sậy	1,2	0	1,2	0	1,2	Tháng 6/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Chỉ định thầu
15	Thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2; Hạng Mục: Ống cấp nước các loại *(Ống HDPE D630 L=200m,160 L=300m và 63 L=3000m)*	3,8	0	3,8	0	0	Tháng 10/2022	DKHT: Tháng 4/2023	Chào hàng cạnh tranh
B	**Khu vực Mũ Cày**	**13,17**	**0**	**13,17**	**0**	**10,87**			

1	Lắp thêm 1 máy bơm trạm bơm tăng áp Hầm Luông	1,2	0	1,2	0	1,2	Tháng 1/2022	DKHT: Tháng 7/2022	Tự thực hiện
2	MLCN huyện Mỏ Cày Bắc (đợt 1/2022) - Hạng mục: Ống HDPE D160 & uPVC D168. (*Ống HDPE D160 L=150m, Ống uPVC D168 L=2.050m*)	2,2	0	2,2	0	2,2	Tháng 3/2022	DKHT: Tháng 9/2022	Chào hàng cạnh tranh
3	MLCN xã Thanh Tân năm 2022- Hạng mục: Ống HDPE D63. (*Ống HDPE D63 L=14.000m*).	2,1	0	2,1	0	2,1	Tháng 3/2022	DKHT: Tháng 9/2022	Tự thực hiện
4	MLCN huyện Mỏ Cày Bắc (đợt 2/2022) - Hạng mục: Ống uPVC D114 & 63 (*Ống HDPE D63 L= 6.000m, Ống uPVC D114 L=1.600m*).	1,7	0	1,7	0	1,7	Tháng 5/2022	DKHT: Tháng 11/2022	Tự thực hiện
5	Sửa chữa MLCN huyện Mỏ Cày Bắc năm 2022 - Hạng mục: Thay ống HDPE D250 qua mương và ống thép D250 trên cầu Cái Chợ Xếp.	3,67	0	3,67	0	3,67	Tháng 6/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Chào hàng cạnh tranh
6	MLCN huyện Mỏ Cày Nam năm 2022 - Hạng mục: Ống uPVC D168. (*Ống uPVC D168 L=2.200 mét, 7 trụ PCCC*)	2,3	0	2,3	0	0	Tháng 7/2022	DKHT: Tháng 01/2023	Chào hàng cạnh tranh
C	**Khu vực Châu Thành**	**6,05**	**0**	**6,05**	**0**	**1,5**			
1	MLCN huyện Châu Thành năm 2023 - Hạng mục: Ống cấp nước các loại. (*Ống HDPE D63 L=6.000m, uPVC D114 L=2.500m, 8 trụ PCCC*).	2,35	0	2,35	0	0	Tháng 8/2022	DKHT: Tháng 02/2023	Tự thực hiện
2	Nâng cấp thêm 1 bơm P2 160KW năm 2022	2,2	0	2,2	0	0	Tháng 9/2022	DKHT: Tháng 03/2023	Tự thực hiện
3	Sửa chữa nhà hóa chất	1	0	1	0	1	Tháng 3/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Chỉ định thầu
4	Sơn sửa chữa trạm bơm nước thô Cái Cỏ	0,3	0	0,3	0	0,3	Tháng 6/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Chỉ định thầu

5	Sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - NMN An Hiệp	0,2	0	0,2	0	0,2	Tháng 6/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Chỉ định thầu
D	**Khu vực Giồng Trôm**	**10,339**	**0**	**10,339**	**0**	**10,339**			
1	Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (Đợt 1/2022) - Hạng mục: Ống nhánh HDPE D63 (*Ống HDPE D63 L=10.300m, Ống uPVC D114 L=300m*).	1,7	0	1,7	0	1,7	Tháng 5/2022	DKHT: Tháng 11/2022	Chào hàng cạnh tranh
2	MLCN huyện Giồng Trôm (Đợt 2/2022) - Hạng mục: Ống cấp nước các loại (*Ống uPVC D168 L=1.000m, uPVC D114 L=2.700m, Ống HDPE D63 L=7.000m*).	3,35	0	3,35	0	3,35	Tháng 6/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Tự thực hiện
3	MLCN huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022) - Hạng mục: Ống cấp nước các loại. (*Ống uPVC D168 L=2.000m, ống uPVC D114 L=1.700m*).	2,75	0	2,75	0	2,75	Tháng 4/2022	DKHT: Tháng 10/2022	Tự thực hiện
4	Sơn sửa nhà làm việc, hàng rào tại Chi nhánh	0,9	0	0,9	0	0,9	Tháng 4/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Chỉ định thầu
5	Cải tạo đường ống công nghệ cụm bể xử lý 100 m3/h	1	0	1	0	1	Tháng 5/2022	DKHT: Tháng 11/2022	Chỉ định thầu
6	Đường dây trung thế 22kV và trạm 400kVA Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre	0,639	0	0,639	0	0,639	Tháng 1/2022	DKHT: Tháng 5/2022	Chỉ định thầu
E	**Khu vực Chợ Lách**	**16,6**	**3,6**	**13,0**	**3,6**	**11,3**			
1	Mua đất mở rộng nhà máy nước	3,0	0	3	0	3		Quý I/2022	Tự thực hiện
2	Ống cấp nước qua Sông Chợ Lách năm 2022 - Hạng mục: Khoan 2 ống HDPE D250 (*Ống HDPE D250 L=680m*).	3,62	0	3,62	0	3,62	Tháng 5/2022	DKHT: Tháng 11/2022	Chào hàng cạnh tranh
3	Nâng công suất NMN Chợ Lách năm 2022 - Hạng mục: Cụm xử lý 100m3/h	6,0	3,6	2,4	3,6	2,4	Tháng 5/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Đấu thầu rộng rãi

4	MLCN Chợ Lách đợt 1/2022 - Hạng mục: Ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp (*Ống HDPE D63 L= 6.000m*)	1,6	0	1,6	0	1,6	Tháng 6/2022	DKHT: Tháng 12/2022	Chào hàng cạnh tranh
5	MLCN Chợ Lách (đợt 2/2022) - Hạng mục: Ống uPVC D168 (*Ống uPVC D168 L=1.800m*)	1,71	0	1,71	0	0	Tháng 8/2022	DKHT: Tháng 02/2023	Chào hàng cạnh tranh
6	Đường dây trung thế 22kV và trạm 400kVA Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre	0,712	0	0,712	0	0,712	Tháng 1/2022	DKHT: Tháng 7/2022	Chỉ định thầu
Tổng cộng III: (A)+(B)+(C)+(D)+(E)		**100,1**	**21,1**	**78,7**	**[illegible]**	**[illegible]**			

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022:
(I)+(II)+(III-thực hiện năm 2022): 175,3 tỷ
Trong đó vốn vay 63,6 tỷ, vốn doanh nghiệp 111,7 tỷ

KẾT QUẢ SXKD NĂM 2021

Bảng số 1

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ % TH/NQ
1	Sản lượng nước sản xuất	m^3	24.857.500	26.073.160	104,89
2	Sản lượng nước ghi thu	m^3	19.886.000	19.996.356	100,5
3	Tổng doanh thu	tr.đ	213.000	210.562	98,8
4	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	43.500	56.766	130,4
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	36.200	46.836	129,3
6	Nộp ngân sách	tr.đ	100%	17.506	100,
7	Tỷ lệ nước thất thoát	%	20,0	23,3	+3,3
8	Gắn mới TLK	cái	4.000	2.919	72,9
9	Thay TLK	cái	20.000	19.149	95,79
9	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL	%	9	9	100
10	Lợi nhuận còn lại	Tr.đ	14.700	14.700	100,

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

Bảng số 2

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng trưởng %
1	Sản lượng nước sản xuất	m^3	26.073.160	25.511.250	-2,15
2	Sản lượng nước ghi thu	m^3	19.996.356	20.409.000	102,06
3	Tổng doanh thu	tr.đ	210.562	216.000	102,58
4	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	56.766	53.000	-6,63
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	46.836	44.000	-6,05
6	Nộp ngân sách	tr.đ	17.506	100% theo quy định	-
7	Tỷ lệ nước thất thoát	%	23,3	20	Giảm 3,3
8	Gắn mới TLK	cái	2.919	3.000	102,77
9	Thay TLK	cái	19.149	18.400	-3,91
9	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL	%	9	9	100,
10	Lợi nhuận còn lại	Tr.đ	14.700	14.700	100,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/BC-BKS	*Bến Tre, ngày tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
Năm 2021.

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Cơ cấu tổ chức:

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó 01 thành viên là chuyên trách và 02 thành viên là kiêm nhiệm:

- Ông Lê Văn Phong : Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Đình Huấn : Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Ngô Thị Hồng Vân : Thành viên Ban kiểm soát

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Hoạt động của Ban Kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, các cuộc họp giao Ban điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng các quy chế của Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý, năm; các báo cáo thu chi và chứng từ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của Công ty; kiểm tra quá trình nhập xuất vật tư phục vụ cho các công trình cấp thoát nước cũng như cho hoạt động sản xuất kinh doanh; kiểm tra tình hình trích lập và sử dụng quỹ tiền lương của viên chức quản lý và người lao động trong Công ty.

II. Hoạt động, kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2021:

1. Tình hình tài chính của Công ty:

- Báo cáo tài chính đến 31/12/2021 của Công ty đã được lập và hạch toán đúng chế độ tài chính ban hành, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, báo cáo lập kịp thời đảm bảo tính trung thực, hợp pháp.

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị kiểm tra báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

- Số liệu về tình hình tài chính của Công ty năm 2021 Ban kiểm soát thẩm tra và thống nhất số liệu như sau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
**** Tài sản ngắn hạn***	**100-BCĐKT**	**81.436.657.541**	**120.785.351.221**
- Tiền và các khoản	110-BCĐKT	47.173.456.855	26.844.880.257
- Đầu tư tài chính dài hạn	120-BCĐKT	-	60.873.583.128
- Phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	18.726.214.149	20.562.076.441
- Hàng tồn kho	140-BCĐKT	11.543.872.658	10.727.971.286
- Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	3.993.113.879	1.776.840.109
**** Tài sản dài hạn***	**200-BCĐKT**	**437.065.502.944**	**404.670.596.297**
- Tài sản cố định	220-BCĐKT	416.710.052.489	384.671.601.496
- Tài sản dỡ dang dài hạn	240-BCĐKT	5.749.129.490	9.177.690.322
- Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	14.606.320.965	10.821.304.479
TỔNG TÀI SẢN	**270-BCĐKT**	**518.502.160.485**	**525.455.947.518**
**** Nợ phải trả***	300-BCĐKT	113.178.895.420	133.204.845.740
- Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	45.112.087.240	43.626.037.560
- Nợ dài hạn	330-BCĐKT	68.066.808.180	89.578.808.180
**** Vốn chủ sở hữu***	**400-BCĐKT**	**405.323.265.065**	**392.251.101.778**
- Vốn góp của CSH	411-BCĐKT	294.000.000.000	294.000.000.000
- Quỹ ĐTPT	418-BCĐKT	67.491.101.778	53.135.484.191
- Lợi nhuận chưa pp	421-BCĐKT	43.832.163.287	45.115.617.587
TỔNG NGUỒN VỐN	**440-BCĐKT**	**518.502.160.485**	**525.455.947.518**

2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021		So sánh
	Năm nay	Năm trước	%
Tổng doanh thu	210.562.698.535	197.229.307.215	106,8
Doanh thu thuần bán hàng và d vụ	206.496.138.467	193.215.843.336	106,8
Giá vốn bán hàng	83.100.203.491	59.491.306.217	139,6
Lợi nhuận gộp bán hàng và d vụ	123.395.934.976	133.724.537.119	92,2
Doanh thu hoạt động tài chính	1.561.177.396	3.973.226.158	39,2
Chi phí tài chính	5.082.393.195	6.037.193.195	84,1
Trong đó: Chi phí lãi vay	*5.082.393.195*	*6.037.193.195*	*84,1*
Chi phí bán hàng	45.813.151.720	50.153.103.700	91,3
Chi phí QLDN	18.025.053.675	16.992.900.226	106,0
LN thuần từ kinh doanh	56.036.513.782	64.514.566.156	86,8
Thu nhập khác	2.505.382.672	40.237.721	-
Chi phí khác	1.775.471.058	210.193.474	-
Lợi nhuận khác	729.911.614	-169.955.753	-
Tổng lợi nhuận trước thuế	56.766.425.396	64.344.610.403	88,2
Chi phí thuế TNDN	9.929.853.429	5.830.052.367	170,3
Lợi nhuận sau thuế TNDN	46.836.571.967	58.514.558.036	80,0

Hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của Pháp luật. Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán được giám sát chặt chẽ theo Luật Kế toán, số liệu ghi chép đầy đủ và kịp thời.

Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như doanh thu, lợi nhuận năm 2021 so với năm 2020, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu tổng doanh thu thực hiện năm 2021 là 210.562 triệu đồng, so với năm 2020 là 197.229 triệu đồng, đạt 106,8 %.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021 là 56.766 triệu đồng, so với năm 2020 là 64.344 triệu đồng, đạt 88,2 %. Do tình hình xâm nhập mặn xảy ra trên địa bàn huyện Giồng Trôm thuộc tỉnh Bến Tre làm cho nguồn nước thô cung cấp cho nhà máy nước Lương Quới của công ty bị ảnh hưởng. Theo sự chỉ đạo của các cấp ngành. công ty phải mua nước ngọt để xử lý đảm bảo nước cung cấp đạt chuẩn độ mặn cho phép theo quy định. Bên cạnh đó chi phí điện và nhiên liệu để vận hành bơm nước thô khu vực

huyện Giồng Trôm và ứng phó nước mặn khu vực khác cũng tăng thêm chi phí, làm cho lợi nhuận thực hiện năm nay giảm so với năm trước.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2021 là 46.836 triệu đồng, so với năm 2020 là 58.514 triệu đồng, đạt 80,0 %.

3. Một số các chỉ tiêu thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Nghị quyết năm 2021	Thực hiện năm 2021	%TH
Sản lượng nước ghi thu (m3)	19.886.000	19.996.356	100,5
Tổng doanh thu	213.000.000.000	210.562.698.535	98,8
Lợi nhuận trước thuế	43.500.000.000	56.766.425.396	130,5
Lợi nhuận sau thuế	36.200.000.000	46.836.571.967	129,3
Nộp ngân sách	100%	17.506.403.667	100
Tỉ lệ thất thoát (%)	20,0	23,3	3,3
Gắn mới thủy lượng kế (cái)	4.000	2.919	72,9
Thay thủy lượng kế (cái)	20.000	19.149	95,7

Kết quả thực hiện một số các chỉ tiêu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 như sau:

- Chỉ tiêu sản lượng nước máy ghi thu thực hiện năm 2021 là 19.996.356 m^3, so với Nghị quyết năm 2021 là 19.886.000 m^3, đạt 100,5 %.

- Chỉ tiêu tổng doanh thu thực hiện năm 2021 là 210.562 triệu đồng, so với Nghị quyết đưa ra là 213.000 triệu đồng, đạt 98,8 %.

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện trong năm 2021 là 56.766 triệu đồng, so với Nghị quyết đưa ra là 43.500 triệu đồng, đạt 130,5 %.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện trong năm 2021 là 46.836 triệu đồng, so với Nghị quyết đưa ra là 36.200 triệu đồng, đạt 129,3 %.

- Nộp ngân sách Nhà nước năm 2021 là 17.506 triệu đồng, đạt 100%.

- Chỉ tiêu thất thoát nước năm 2021 là 23,3%; so với Nghị quyết đưa ra là 20%, vượt 3,3%.

- Gắn mới thủy lượng kế thực hiện trong năm 2.919 cái, Nghị quyết đưa ra 4.000 cái, đạt 72,9%. Do tình hình nước nguồn bị xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Bến tre nên công ty khẩn trương thực hiện một số giải pháp nhằm khắc phục tình trạng xâm nhập mặn, việc này làm ảnh hưởng đến công tác gắn mới và thay thủy lượng kế định kỳ.

- Thay thủy lượng kế trong năm là 19.149 cái, so với Nghị quyết đưa ra 20.000 cái, đạt 95,7%.

4. Công tác quản trị và điều hành công ty:

a. Chấp hành các quy định của Nhà nước trong quản lý tài chính, tài sản của công ty:

- Làm việc với đoàn Thanh tra Tỉnh về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách của công ty.

- Báo cáo thực hiện, khắc phục những nội dung kiến nghị của Thanh tra Tỉnh về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách của công ty.

- Phối hợp cùng công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Chuẩn Việt trong việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

- Thực hiện kiểm kê tài sản cố định,vật tư và công cụ tồn kho đến cuối năm.

b. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị:

- Tình hình thực hiện các dự án cấp nước: Gói thầu số 1 cấp nước KCN Giao Long: tuyến ống cấp nước từ nhà máy nước Hữu Định đi khu CN Giao Long đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng; Gói thầu số 2 cấp nước KCN Giao Long: lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát, trình phê duyệt giá gói thầu; Dầu tư cụm xử lý 5.000 m3/ng.đ nhà máy nước Hữu Định: đơn vị tư vấn đang thực hiện đánh giá hồ sơ dự thầu; Tuyến ống cấp nước MPVC D400 từ nhà máy nước Sơn Đông đến Ngã tư Tân Thành: đơn vị thi công đang thực hiện gói thầu; Bể chứa nước sạch 1.000m3 trạm tăng áp cầu Hàm Luông: lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Đầu tư xây dựng mở rộng mạng cấp nước trong vùng phục vụ bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của Công ty Đầu tư xây dựng và quyết toán các hạn mục, công trình ứng phó, khắc phục xâm nhập mặn mùa khô năm 2020-2021.

- Xây dựng kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và công cụ phục vụ cho quản lý và sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Thực hiện thường xuyên các công việc bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị tại các nhà máy, các chi nhánh cấp nước; khắc phục sự cố ống bể trên mạng cấp nước; di dời một số mạng lưới cấp nước nằm trong vùng dự án mở rộng giao thông, thực hiện công tác phòng chống thất thoát nước, công tác kiểm tra rò rỉ trên hệ thống mạng cấp nước.

- Mua nước thô từ sà lan phục vụ cho NMN Lương Quới cung cấp cho khu vực huyện Giồng Trôm.

- Tiếp tục mua bảo hiểm tài sản nhà máy nước An Hiệp.

c. Công tác quản lý nội bộ:

- Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trình Chủ sở hữu và các ngành chức năng.

- Phân phối lợi nhuận năm 2020 và xây dựng kế hoạch lợi nhuận năm 2021 trình Chủ sở hữu phê duyệt.

- Nâng lương cho người lao động, bổ nhiệm lại một số viên chức cấp trưởng, phó các đơn vị trực thuộc đến hạn, thực hiện kê khai tài sản đối với viên chức quản lý.

d. Quản lý khách hàng:

- Về công tác quản lý khách hàng: Thực hiện ký kết hợp đồng theo mẫu; cập nhật số điện thoại của khách hàng vào chương trình; kiểm tra chuyển đổi mục đích sử dụng nước kịp thời; tiếp tục vận động thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.

e. Các hoạt động điều hành khác:

- Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và người đại diện năm 2020: kết quả doanh nghiệp xếp loại A và đánh giá người đại diện vốn nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Trình thẩm tra phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 và xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021của viên chức quản lý và người lao động.

- Chi trả cổ tức đợt cho cổ đông công ty.

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2021 và hoàn thiện các thủ tục sau Đại hội, ra Nghị quyết phê duyệt các kế hoạch năm 2021 được ĐHĐCĐ thông qua.

- Nộp hồ sơ miễn giảm tiền thuê đất cho các thửa thuộc đối tượng được miễn giảm và đã nhận được quyết định miễn giảm từ Cục thuế tỉnh Bến Tre.

III. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành công ty;

- Giám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, thực hiện Điều lệ của công ty;

- Giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty;

- Kiểm tra việc chấp hành thực hiện các quy định, quy chế đã ban hành; phối hợp với các đoàn kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu;

- Kiểm tra sổ sách chứng từ kế toán, giám sát công tác kiểm kê cuối năm;

- Kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm 2022; tình hình sử dụng vốn và bảo toàn vốn của công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty, xin kính trình đến ĐHDCĐ.

Xin trân trọng cám ơn quý cổ đông.

T/M BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- HDQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu: thư ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN **CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07 /TTr-ĐHCĐ	*Bến Tre, ngày 04 tháng 6 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ngày 07/3/2022 như sau:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 *(bản tóm tắt)* được đính kèm trong Tài liệu đại hội.

- Toàn văn Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 được đăng tải trên website công ty: www.capnuocbentre.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ.

NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2021

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đvt: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
I	**Tài sản ngắn hạn**	**81.436.657.541**	**120.785.351.221**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	47.173.456.855	26.844.880.257
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	60.873.583.128
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	18.726.214.149	20.562.076.441
4	Hàng tồn kho	11.543.872.658	10.727.971.286
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.993.113.879	1.776.840.109
II	**Tài sản dài hạn**	**437.065.502.944**	**404.670.596.297**
1	Tài sản cố định	416.710.052.489	384.671.601.496
	+Tài sản cố định hữu hình	416.568.385.822	384.636.486.682
	+Tài sản cố định vô hình	141.666.667	35.114.814
2	Tài sản dở dang dài hạn	5.749.129.490	9.177.690.322
3	Tài sản dài hạn khác	14.606.320.965	10.821.304.479
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**518.502.160.485**	**525.455.947.518**
III	**Nợ phải trả**	**113.178.895.420**	**133.204.845.740**
1	Nợ ngắn hạn	45.112.087.240	43.626.037.560
2	Nợ dài hạn	68.066.808.180	89.578.808.180
IV	**Vốn chủ sở hữu**	**405.323.265.065**	**392.251.101.778**
1	Vốn chủ sở hữu	405.323.265.065	392.251.101.778
	+Vốn góp của chủ sở hữu	294.000.000.000	294.000.000.000
	+Quỹ đầu tư phát triển	67.491.101.778	53.135.484.191
	+Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43.832.163.287	45.115.617.587
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**518.502.160.485**	**525.455.947.518**

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Đvt: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**206.496.868.501**	**193.216.491.334**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	730.034	647.998
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**206.496.138.467**	**193.215.843.336**
4	Giá vốn hàng bán	83.100.203.491	59.491.306.217
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**123.395.934.976**	**133.724.537.119**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.561.177.396	3.973.226.158
7	Chi phí tài chính	5.082.393.195	6.037.193.195
8	Chi phí bán hàng	45.813.151.720	50.153.103.700
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.025.053.675	16.992.900.226
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**56.036.513.782**	**64.514.566.156**
11	Thu nhập khác	2.505.382.672	40.237.721
12	Chi phí khác	1.775.471.058	210.193.474
13	**Lợi nhuận khác**	**729.911.614**	**(169.955.753)**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**56.766.425.396**	**64.344.610.403**
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.929.853.429	5.830.052.367
16	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**46.836.571.967**	**58.514.558.036**
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.345	1.734
18	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.345	1.734

Bến Tre, ngày tháng năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 08 /TTr-ĐHCĐ	*Bến Tre, ngày 04 tháng 6 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

I. Báo cáo về tình hình phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	**Lợi nhuận sau thuế**	**61.536.571.967**
1.1	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 để lại (5%)	14.700.000.000
1.2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	46.836.571.967
2	**Phân phối lợi nhuận sau thuế**	**46.836.571.967**
2.1	Quỹ thưởng Ban quản lý chuyên trách	398.401.929
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	13.072.163.287
2.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.906.006.751
	+ Quỹ Khen thưởng (60%)	*4.143.604.051*
	+ Quỹ Phúc lợi (40%)	*2.762.402.700*
2.4	Lợi nhuận chia cổ tức, trong đó:	26.460.000.000
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2020 để lại (5%)	*14.700.000.000*
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (4%)	*11.760.000.000*
2.5	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau (5%)	14.700.000.000
3	**Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/ Vốn điều lệ *(%)***	**9%**

*** Việc thực hiện chia cổ tức cho cổ đông:**

- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 là 9%. Đã tạm ứng 5% trong tháng 1/2022, số còn lại 4% sẽ được trả tiếp sau ngày chốt danh sách cổ đông.

- Ngày chốt danh sách chia cổ tức cho cổ đông:

- Ngày chi trả cổ tức:

- Đối với cổ đông đã thực hiện đăng ký lưu ký qua Trung tâm lưu ký chứng khoán: Sẽ do Trung tâm lưu ký chứng khoán chuyển trả cổ tức vào tài khoản cá nhân đã mở.

- Đối với cổ đông chưa thực hiện đăng ký lưu ký: Công ty sẽ thực hiện chi trả dưới hai hình thức là chuyển khoản qua tài khoản của tổ chức/cá nhân cổ đông hoặc chi trả bằng tiền mặt.

- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ các thủ tục để chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2022:

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	**Lợi nhuận sau thuế**	**58.700.000.000**
1.1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 để lại (5%)	14.700.000.000
1.2	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2022	44.000.000.000
2	**Phân phối lợi nhuận sau thuế**	**44.000.000.000**
2.1	Quỹ thưởng Ban quản lý chuyên trách	220.000.000
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	11.840.000.000
2.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.480.000.000
	+ Quỹ Khen thưởng (60%)	*3.288.000.000*
	+ Quỹ Phúc lợi (40%)	*2.192.000.000*
2.4	Lợi nhuận chia cổ tức, trong đó:	26.460.000.000
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 để lại (5%)	*14.700.000.000*
	+ Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2022 (4%)	*11.760.000.000*
2.5	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau (5%)	14.700.000.000
3	**Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/ Vốn điều lệ *(%)***	**9%**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ.

NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 09 /TTr- ĐHCĐ	*Bến Tre, ngày 04 tháng 6 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Tiền lương, thưởng và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký Năm 2021 và Kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

- Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

I. Chi trả tiền lương, thưởng, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thư ký năm 2021.

1. Tiền lương và Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2021.

Số TT	Chức vụ	Số lượng (người/ năm)	Tiền lương và Thù lao		Tổng cộng (đồng/năm)
			Tiền lương (đồng/người/ tháng)	*Thù lao (đồng/người/ tháng)*	
1	Người quản lý Công ty chuyên trách	06	44.266.881		3.187.215.428
2	Thành viên HĐQT	02		5.000.000	120.000.000
3	Thành viên BKS	02		4.500.000	108.000.000
4	Người phụ trách quản trị Cty kiêm Thư ký & Thư ký	02		3.500.000	84.000.000

2. Tiền thưởng năm 2021.

Căn cứ công văn số 2377/UBND-TH ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (Chủ sở hữu vốn nhà nước) về việc phân phối lợi nhuận năm 2021, và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre. Quỹ thưởng viên chức quản lý chuyên trách năm 2021 là 398.401.919 đồng (bằng 1,5 tháng lương).

II. Kế hoạch tiền lương, thưởng, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký năm 2022.

1. Tiền lương và Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký kế hoạch năm 2022.

Số TT	Chức vụ	Số lượng (người/ năm)	Tiền lương và Thù lao		Tổng cộng (đồng/năm)
			Tiền lương (đồng/người/ tháng)	*Thù lao (đồng/người / tháng)*	
1	Người quản lý Công ty chuyên trách	06	36.910.464		2.657.553.408
2	Thành viên HĐQT	02		5.000.000	120.000.000
3	Thành viên BKS	02		4.500.000	108.000.000
4	Người phụ trách quản trị Cty kiêm Thư ký và Thư ký	02		3.500.000	84.000.000

2. Tiền thưởng cho viên chức quản lý kế hoạch năm 2022.

Theo công văn số 2377/UBND-KT ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (Chủ sở hữu vốn nhà nước) về việc phân phối lợi nhuận năm 2021, và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre. Quỹ thưởng viên chức quản lý chuyên trách năm 2022 là 220.000.000 đồng (bằng 1 tháng lương).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Diễm Phượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10 /TTr- BKS	*Bến Tre, ngày 04 tháng 6 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

- Căn cứ vào danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước năm 2021;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

Sau khi xem xét năng lực của các Công ty kiểm toán độc lập, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông danh sách 03 Công ty Kiểm toán độc lập sau đây:

1. Công ty TNHH Dịch vụ TVTC Kế toán & Kiểm toán phía nam.

Địa chỉ: số 29 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Địa chỉ: Tầng 2; số 33 Phan văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Tp.HCM.

Địa chỉ: số 98 Vũ Tông Phan, phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh.

Các công ty Kiểm toán trên đều có đủ năng lực và điều kiện phù hợp theo quy định, chất lượng dịch vụ tốt và chi phí hợp lý. Kính trình ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 03 công ty Kiểm toán trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN